

Số: 576/QĐ-ĐHCNQ

Quảng Ninh, ngày 17 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2025 - 2026 của sinh viên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP QUẢNG NINH

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12/8/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Hướng dẫn số 248/HĐ-ĐHCNQ ngày 31/7/2017 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

Căn cứ kết quả rèn luyện học kì 1 và học kì 2 năm học 2025 - 2026 của sinh viên;

Xét đề nghị của phụ trách phòng Công tác Học sinh sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện năm học 2025 - 2026 cho sinh viên (danh sách kèm theo).

Điều 2. Trưởng các đơn vị trong toàn trường, Cố vấn học tập và sinh viên có tên ở điều 1 căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:

- Giám hiệu;
- Như điều 2;
- Đoàn TN. Hội SV;
- Lưu: VT, CTSV.

HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Hùng Thắng



TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 576/QĐ - ĐHCNQN, ngày 17/8/2026)

TT	Khoa	Tổng số sinh viên	Số SV tham gia đánh giá	Xuất sắc		Tốt		Khá		TB		Yếu		Kém		Không ĐG
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
1	Cơ khí - Động lực	134	134	18	13,4	78	58,2	33	24,6	1	0,7	1	0,746	3	2,2	0
2	Công nghệ thông tin	93	93	39	41,9	34	36,6	17	18,3	3	3,2	0	0,000	0	0,0	0
3	Điện	402	402	61	15,2	137	34,1	168	41,8	33	8,2	3	0,746	0	0,0	0
4	Khoa học cơ bản	525	525	64	12,2	338	64,4	106	20,2	12	2,3	4	0,762	1	0,2	0
5	Kinh tế	166	166	59	35,5	67	40,4	37	22,3	3	1,8	0	0,000	0	0,0	0
6	Mỏ & Công trình	26	26	1	3,8	17	65,4	7	26,9	1	3,8	0	0,000	0	0,0	0
Tổng		1346	1346	242	18,0	671	49,9	368	27,3	53	3,9	8	0,594	4	0,3	0

He

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN SINH VIÊN NĂM HỌC 2025 - 2026

(Kèm theo Quyết định số: 576 /QĐ- ĐHCNQN, ngày 17/8/2026)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1	LA15DH0003	Vangpor Chuiyang	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	88,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
2	LA16DH0040	Phanoulak Panyakeo	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CKĐL	
3	LA16DH0030	Phoummathat Vilaikham	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CKĐL	
4	LA16DH0029	Leexenthor Xaichuemoua	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CKĐL	
5	LA16DH0006	Kai Yatouathor	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CKĐL	
6	CQ15DH0260	Nguyễn Phúc Khang An	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	65,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
7	CQ15DH0033	Bùi Việt Anh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	85,00	86,00	86,00	Tốt	CKĐL	
8	CQ15DH0001	Trần Văn Chính	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	87,00	89,00	88,00	Tốt	CKĐL	
9	CQ15DH0006	Nguyễn Tiến Dũng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	85,00	89,00	87,00	Tốt	CKĐL	
10	CQ15DH0034	Lã Minh Đức	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	85,00	88,00	87,00	Tốt	CKĐL	
11	CQ15DH0004	Nguyễn Trí Đức	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	96,00	97,00	97,00	Xuất sắc	CKĐL	
12	CQ15DH0005	Trần Minh Đức	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	89,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
13	CQ15DH0007	Nguyễn Phúc Hiếu	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00		65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
14	CQ15DH0008	Nguyễn Văn Hoàng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	64,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
15	CQ15DH0030	Đinh Xuân Hoàng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	86,00	89,00	88,00	Tốt	CKĐL	
16	CQ15DH0036	Phạm Văn Hợp	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	92,00	95,00	94,00	Xuất sắc	CKĐL	
17	CQ15DH0011	Lê Văn Hùng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	97,00	97,00	97,00	Xuất sắc	CKĐL	
18	CQ15DH0012	Nguyễn Hữu Nam Khánh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	64,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
19	CQ15DH0013	Phạm Gia Khánh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	88,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
20	CQ15DH0014	Phạm Gia Khiêm	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	86,00	89,00	88,00	Tốt	CKĐL	
21	CQ15DH0015	Hoàng Trung Kiên	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	88,00	77,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
22	CQ15DH0016	Mạc Trung Kiên	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	78,00	82,00	80,00	Tốt	CKĐL	
23	CQ15DH0032	Lưu Đình Phúc Lâm	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	82,00	74,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
24	CQ15DH0017	Ngô Trường Nam	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	85,00	89,00	87,00	Tốt	CKĐL	
25	CQ15DH0018	Nguyễn Minh Nghĩa	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	86,00	88,00	87,00	Tốt	CKĐL	
26	CQ15DH0020	Phạm Quyền Ninh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	88,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
27	CQ15DH0021	Trần Ngọc Ninh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	86,00	89,00	88,00	Tốt	CKĐL	
28	CQ15DH0022	Hoàng Văn Phát	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	87,00	90,00	89,00	Tốt	CKĐL	
29	CQ15DH0065	Lê Xuân Phúc	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	81,00	84,00	83,00	Tốt	CKĐL	
30	CQ15DH0097	Nguyễn Văn Phúc	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	89,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
31	CQ15DH0038	Nguyễn Thiên Phước	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	86,00	88,00	87,00	Tốt	CKĐL	
32	CQ15DH0285	Nguyễn Văn Quang	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	83,00	74,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
33	CQ15DH0031	Nguyễn Đình Quân	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	97,00	97,00	97,00	Xuất sắc	CKĐL	
34	CQ15DH0023	Nguyễn Trọng Tân	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	96,00	96,00	96,00	Xuất sắc	CKĐL	
35	CQ15DH0024	Cao Văn Thái	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	89,00	77,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
36	CQ15DH0025	Diệp Sinh Thành	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	65,00	65,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
37	CQ15DH0026	Đặng Huy Toàn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	88,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
38	CQ15DH0027	Lê Văn Toàn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	86,00	89,00	88,00	Tốt	CKĐL	
39	CQ15DH0028	Nguyễn Đức Toàn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	86,00	88,00	87,00	Tốt	CKĐL	
40	CQ15DH0282	Nguyễn Huy Tùng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K15	87,00	89,00	88,00	Tốt	CKĐL	
41	CQ16DH0501	Phạm Gia An	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	84,00	75,00	80,00	Tốt	CKĐL	
42	CQ16DH0474	Lê Ngọc Anh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	98,00	98,00	98,00	Xuất sắc	CKĐL	
43	CQ16DH0304	Nguyễn Trọng Việt Anh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	83,00	74,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
44	CQ16DH0130	Xander Nam Browne	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	80,00	73,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
45	CQ16DH0684	Nguyễn Duy Cường	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	65,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
46	CQ16DH0035	Trần Mạnh Cường	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	83,00	83,00	83,00	Tốt	CKĐL	
47	CQ16DH0574	Trần Mạnh Duy	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	63,00	64,00	Trung bình	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
48	CQ16DH0575	Bùi Nguyễn Tùng Dương	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	65,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
49	CQ16DH0533	Vũ Quốc Thành Đạt	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	95,00	80,00	Tốt	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
50	CQ16DH0610	Nguyễn Trung Đức	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	CKĐL	
51	CQ16DH0192	Phạm Thế Đức	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	87,00	87,00	87,00	Tốt	CKĐL	
52	CQ16DH0413	Lý Văn Hữu	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	83,00	78,00	81,00	Tốt	CKĐL	
53	CQ16DH0112	Nguyễn Tiến Hải	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	CKĐL	
54	CQ16DH0466	Phạm Văn Hiếu	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	65,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
55	CQ16DH0578	Nguyễn Việt Hoàng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	86,00	86,00	86,00	Tốt	CKĐL	
56	CQ16DH0430	Phạm Quý Hơn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	CKĐL	
57	CQ16DH0111	Lê Quang Huy	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	84,00	84,00	84,00	Tốt	CKĐL	
58	CQ16DH0579	Phạm Đức Huy	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CKĐL	
59	CQ16DH0580	Phạm Trung Kiên	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	82,00	61,00	72,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
60	CQ16DH0582	Thái Minh Long	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	CKĐL	
61	CQ16DH0634	Nguyễn Văn Nam	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	93,00	93,00	93,00	Xuất sắc	CKĐL	
62	CQ16DH0314	Nguyễn Vũ Nam	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	65,00	65,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
63	CQ16DH0583	Nguyễn Xuân Nam	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	86,00	86,00	86,00	Tốt	CKĐL	
64	CQ16DH0625	Mai Tuấn Ninh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	94,00	89,00	92,00	Xuất sắc	CKĐL	
65	CQ16DH0584	Hà Gia Phong	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	86,00	86,00	86,00	Tốt	CKĐL	
66	CQ16DH0126	Hoàng Minh Phương	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	86,00	86,00	86,00	Tốt	CKĐL	
67	CQ16DH0177	Trần Tiến Thành	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	83,00	74,00	Khá	CKĐL	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
68	CQ16DH0654	Phạm Minh Tiến	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	85,00	85,00	85,00	Tốt	CKĐL	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
69	CQ16DH0586	Nguyễn Duy Tuấn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	65,00	78,00	72,00	Khá	CKĐL	
70	CQ16DH0179	Vũ Lê Anh Tuấn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K16	83,00	83,00	83,00	Tốt	CKĐL	
71	CQ17DH0548	Chu Văn An	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	0,0	41,00	Yếu	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
72	CQ17DH0476	Đỗ Ngọc Duy Anh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	82,00	88,00	85,00	Tốt	CKĐL	
73	CQ17DH0447	Nguyễn Đức Anh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	89,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
74	CQ17DH0740	Nông Trường Anh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	72,00	75,00	74,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
75	CQ17DH0405	Vũ Tuấn Anh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	87,00	84,00	Tốt	CKĐL	
76	CQ17DH0710	Phạm Văn Bình	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	88,00	88,00	Tốt	CKĐL	
77	CQ17DH0475	Linh Du Chính	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	92,00	96,00	94,00	Xuất sắc	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
78	CQ17DH0632	Lục Thái Duy	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	79,00	75,00	77,00	Khá	CKĐL	
79	CQ17DH0143	Vũ Văn Duy	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	98,00	98,00	98,00	Xuất sắc	CKĐL	
80	CQ17DH0774	Nguyễn Đức Minh Dũng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	80,00	75,00	78,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
81	CQ17DH0371	Lý Quý Dương	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	65,00	76,00	Khá	CKĐL	
82	CQ17DH0574	Nguyễn Văn Dương	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	89,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	
83	CQ17DH0206	Vũ Tùng Dương	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	86,00	84,00	Tốt	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
84	CQ17DH0185	Nguyễn Hải Đăng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	86,00	75,00	81,00	Tốt	CKĐL	
85	CQ17DH0346	Đặng Xuân Được	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	89,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CKĐL	
86	CQ17DH0713	Phạm Minh Đức	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	87,00	84,00	Tốt	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
87	CQ17DH0637	Gi Văn Kiên Giang	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	85,00	85,00	85,00	Tốt	CKĐL	
88	CQ17DH0344	Phạm Hà Giang	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	85,00	85,00	85,00	Tốt	CKĐL	
89	CQ17DH0646	Trần Thanh Hải	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	88,00	88,00	Tốt	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
90	CQ17DH0558	Lý Văn Hiếu	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	85,00	90,00	88,00	Tốt	CKĐL	
91	CQ17DH0628	Phạm Đức Hoàn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	75,00	75,00	75,00	Khá	CKĐL	
92	CQ17DH0495	Dương Đức Huy	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	83,00	75,00	79,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
93	CQ17DH0620	Vũ Anh Huy	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	75,00	81,00	Tốt	CKĐL	
94	CQ17DH0610	Nguyễn Văn Hùng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	85,00	87,00	86,00	Tốt	CKĐL	
95	CQ17DH0515	Nguyễn Việt Hưng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	75,00	81,00	Tốt	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
96	CQ17DH0452	Vũ Duy Hưng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	82,00	85,00	84,00	Tốt	CKĐL	
97	CQ17DH0373	Vũ Quốc Hưng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	83,00	75,00	79,00	Khá	CKĐL	
98	CQ17DH0619	Dương Quang Khánh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	71,00	75,00	73,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
99	CQ17DH0329	Phạm Ngọc Khánh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	79,00	88,00	84,00	Tốt	CKĐL	
100	CQ17DH0545	Vũ Quốc Khánh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	80,00	84,00	Tốt	CKĐL	
101	CQ17DH0119	Nguyễn Duy Khuê	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	88,00	89,00	89,00	Tốt	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
102	CQ17DH0588	Ngô Trung Kiên	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	76,00	75,00	76,00	Khá	CKĐL	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
103	CQ17DH0575	Bàng Khánh Kim	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	83,00	95,00	89,00	Tốt	CKĐL	
104	CQ17DH0182	Nguyễn Trọng Kim	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	83,00	88,00	86,00	Tốt	CKĐL	
105	CQ17DH0376	Đoàn Hải Long	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	88,00	85,00	Tốt	CKĐL	
106	CQ17DH0886	Khương Thành Long	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	80,00	85,00	83,00	Tốt	CKĐL	
107	CQ17DH0850	Lê Thành Long	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	86,00	75,00	81,00	Tốt	CKĐL	
108	CQ17DH0076	Nguyễn Xuân Mạnh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	90,00	95,00	93,00	Xuất sắc	CKĐL	
109	CQ17DH0790	Phùng Đức Mạnh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	83,00	75,00	79,00	Khá	CKĐL	
110	CQ17DH0273	Hoàng Đức Minh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	92,00	86,00	89,00	Tốt	CKĐL	
111	CQ17DH0875	Lê Hoài Nam	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	82,00	83,00	83,00	Tốt	CKĐL	
112	CQ17DH0300	Phạm Tiến Phong	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	83,00	89,00	86,00	Tốt	CKĐL	
113	CQ17DH0594	Nguyễn Trần Dương Phú	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	77,00	75,00	76,00	Khá	CKĐL	
114	CQ17DH0023	Nguyễn Nhật Quang	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	78,00	85,00	82,00	Tốt	CKĐL	
115	CQ17DH0490	Phạm Văn Sinh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	84,00	75,00	80,00	Tốt	CKĐL	
116	CQ17DH0200	Vũ Ngọc Thanh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	84,00	85,00	85,00	Tốt	CKĐL	
117	CQ17DH0556	Nguyễn Văn Thắng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	75,00	78,00	Khá	CKĐL	
118	CQ17DH0135	Hoàng Văn Thắng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	75,00	81,00	Tốt	CKĐL	
119	CQ17DH0568	Trần Duy Thịnh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	75,00	81,00	Tốt	CKĐL	
120	CQ17DH0853	Nguyễn Đình Thức	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	88,00	86,00	87,00	Tốt	CKĐL	
121	CQ17DH0586	Dương Đức Tiến	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	91,00	92,00	92,00	Xuất sắc	CKĐL	
122	CQ17DH0639	Vũ Tiến Toàn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	78,00	85,00	82,00	Tốt	CKĐL	
123	CQ17DH0387	Hoàng Văn Trung	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	84,00	65,00	75,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
124	CQ17DH0334	Nguyễn Đức Trung	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	80,00	84,00	Tốt	CKĐL	
125	CQ17DH0745	Lê Văn Tuấn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	80,00	81,00	Tốt	CKĐL	
126	CQ17DH0746	Nguyễn Minh Tuấn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	85,00	83,00	Tốt	CKĐL	
127	CQ17DH0442	Phạm Văn Tuấn	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	90,00	75,00	83,00	Tốt	CKĐL	
128	CQ17DH0918	Nguyễn Đức Tuyển	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	87,00	0,0	44,00	Yếu	CKĐL	
129	CQ17DH0690	Vũ Thanh Tùng	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	79,00	75,00	77,00	Khá	CKĐL	
130	CQ17DH0636	Chu Đức Việt	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	85,00	85,00	85,00	Tốt	CKĐL	
131	CQ17DH0385	Đinh Đức Việt	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	81,00	60,00	71,00	Khá	CKĐL	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
132	CQ17DH0533	Bùi Quang Vinh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	90,00	0,0	45,00	Yếu	CKĐL	
133	CQ17DH0677	Đinh Thành Vinh	ĐH CNKT cơ khí ô tô K17	85,00	75,00	80,00	Tốt	CKĐL	
134	LA15DH0013	Xuendavanh Ansee	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	65,00	81,00	73,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
135	LA15DH0030	Thoumvilay Keo	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CNTT	
136	LA15DH0007	Mounthinthai Nilakone	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	88,00	65,00	77,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
137	LA15DH0021	Xayavong Outhai	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	64,00	83,00	74,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
138	LA15DH0017	Chanfong Phetsakhone	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	65,00	83,00	74,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
139	LA15DH0011	Phanthavong Photchama	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
140	LA15DH0005	Panyasai Saikao	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	83,00	65,00	74,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
141	LA15DH0024	Phanthavong Soulita	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	87,00	65,00	76,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
142	LA15DH0016	Khanthida Vongvaen	ĐH CN phần mềm (Lào K10)	65,00	65,00	65,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
143	LA16DH0046	Poyfai Chanpaserd	ĐH CN phần mềm (Lào K16)	95,00	93,00	94,00	Xuất sắc	CNTT	
144	LA16DH0045	Phonenidda Khampong	ĐH CN phần mềm (Lào K16)	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
145	LA16DH0048	Nidavanh Thaibamloung	ĐH CN phần mềm (Lào K16)	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
146	LA16DH0042	Kitthiphong Vongdala	ĐH CN phần mềm (Lào K16)	79,00	83,00	81,00	Tốt	CNTT	
147	LA16DH0051	Nouk Xaiyavong	ĐH CN phần mềm (Lào K16)	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
148	LA17DH0019	Pha Bounmixay	ĐH CN phần mềm (Lào K17)	95,00	92,00	94,00	Xuất sắc	CNTT	
149	LA17DH0018	Nouy Lorphithak	ĐH CN phần mềm (Lào K17)	65,00	91,00	78,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
150	LA17DH0032	Somvanh Phanthavixay	ĐH CN phần mềm (Lào K17)	89,00	91,00	90,00	Xuất sắc	CNTT	
151	LA17DH0020	Seng Sengvanthy	ĐH CN phần mềm (Lào K17)	95,00	91,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
152	CQ15DH0272	Phạm Quốc Cường	ĐH CN phần mềm K15	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CNTT	
153	CQ15DH0164	Sâm Khánh Duy	ĐH CN phần mềm K15	82,00	82,00	82,00	Tốt	CNTT	
154	CQ15DH0179	Phạm Hải Đăng	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
155	CQ15DH0182	Hoàng Văn Đức	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
156	CQ15DH0178	Đinh Quang Hữu	ĐH CN phần mềm K15	65,00	63,00	64,00	Trung bình	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
157	CQ15DH0039	Nguyễn Huy Hoàng	ĐH CN phần mềm K15	65,00	63,00	64,00	Trung bình	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
158	CQ15DH0276	Nguyễn Thị Hồng Huệ	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
159	CQ15DH0010	Đỗ Mạnh Hùng	ĐH CN phần mềm K15	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CNTT	
160	CQ15DH0168	Hoàng Trung Kiên	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
161	CQ15DH0180	Nguyễn Vũ Vương Long	ĐH CN phần mềm K15	65,00	85,00	75,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
162	CQ15DH0171	Nguyễn Sơn Nam	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
163	CQ15DH0172	Vũ Đại Phong	ĐH CN phần mềm K15	65,00	83,00	74,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
164	CQ15DH0183	Lại Đức Thành	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
165	CQ15DH0184	Trần Trọng Duy Thành	ĐH CN phần mềm K15	87,00	87,00	87,00	Tốt	CNTT	
166	CQ15DH0185	Đỗ Thanh Thảo	ĐH CN phần mềm K15	65,00	83,00	74,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
167	CQ15DH0270	Trần Văn Thắng	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	
168	CQ15DH0173	Vũ Hữu Thắng	ĐH CN phần mềm K15	83,00	83,00	83,00	Tốt	CNTT	
169	CQ15DH0271	Phùng Văn Tiến	ĐH CN phần mềm K15	80,00	80,00	80,00	Tốt	CNTT	
170	CQ15DH0175	Trịnh Xuân Trung	ĐH CN phần mềm K15	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	CNTT	
171	CQ15DH0176	Phạm Quang Trường	ĐH CN phần mềm K15	65,00	83,00	74,00	Khá	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
172	CQ15DH0177	Đoàn Đỗ Duy Tùng	ĐH CN phần mềm K15	88,00	88,00	88,00	Tốt	CNTT	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
173	CQ15DH0084	Nguyễn Quốc Việt	ĐH CN phần mềm K15	88,00	71,00	80,00	Tốt	CNTT	
174	CQ16DH0562	Nguyễn Thành An	ĐH CN phần mềm K16	89,00	91,00	90,00	Xuất sắc	CNTT	
175	CQ16DH0647	Nguyễn Thị Thùy Dung	ĐH CN phần mềm K16	98,00	100	99,00	Xuất sắc	CNTT	
176	CQ16DH0175	Nguyễn Hương Giang	ĐH CN phần mềm K16	98,00	100	99,00	Xuất sắc	CNTT	
177	CQ16DH0506	Nguyễn Duy Phong	ĐH CN phần mềm K16	98,00	91,00	95,00	Xuất sắc	CNTT	
178	CQ16DH0090	Lưu Hải Tuấn	ĐH CN phần mềm K16	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
179	CQ18DH1391	Đặng Thái An	ĐH CN phần mềm K18	88,00	79,00	84,00	Tốt	CNTT	
180	CQ18DH0840	Ninh Đức Chung	ĐH CN phần mềm K18	88,00	83,00	86,00	Tốt	CNTT	
181	CQ18DH1162	Phạm Phú Cường	ĐH CN phần mềm K18	79,00	71,00	75,00	Khá	CNTT	
182	CQ18DH1397	Nguyễn Quốc Cường	ĐH CN phần mềm K18	93,00	95,00	94,00	Xuất sắc	CNTT	
183	CQ18DH1259	Trịnh Nguyễn Công Diễm	ĐH CN phần mềm K18	96,00	95,00	96,00	Xuất sắc	CNTT	
184	CQ18DH1251	Trần Bá Đức Duy	ĐH CN phần mềm K18	87,00	87,00	87,00	Tốt	CNTT	
185	CQ18DH0588	Nguyễn Thanh Dương	ĐH CN phần mềm K18	93,00	98,00	96,00	Xuất sắc	CNTT	
186	CQ18DH1260	Phạm Trung Hiếu	ĐH CN phần mềm K18	88,00	86,00	87,00	Tốt	CNTT	
187	CQ18DH1509	Nguyễn Ngọc Hiền	ĐH CN phần mềm K18	88,00	85,00	87,00	Tốt	CNTT	
188	CQ18DH0771	Trần Gia Huy	ĐH CN phần mềm K18	88,00	86,00	87,00	Tốt	CNTT	
189	CQ18DH0449	Trịnh Gia Huy	ĐH CN phần mềm K18	79,00	82,00	81,00	Tốt	CNTT	
190	CQ18DH0781	Nguyễn Quang Hưng	ĐH CN phần mềm K18	79,00	95,00	87,00	Tốt	CNTT	
191	CQ18DH1264	Dương Thái Liên	ĐH CN phần mềm K18	93,00	96,00	95,00	Xuất sắc	CNTT	
192	CQ18DH0759	Nguyễn Thành Mạnh	ĐH CN phần mềm K18	65,00	98,00	82,00	Tốt	CNTT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
193	CQ18DH1080	Bùi Doãn Nam	ĐH CN phần mềm K18	79,00	83,00	81,00	Tốt	CNTT	
194	CQ18DH0976	Lê Hoài Nam	ĐH CN phần mềm K18	80,00	71,00	76,00	Khá	CNTT	
195	CQ18DH1386	Nguyễn Minh Quang	ĐH CN phần mềm K18	88,00	83,00	86,00	Tốt	CNTT	
196	CQ18DH0223	Nguyễn Hữu Thành	ĐH CN phần mềm K18	93,00	96,00	95,00	Xuất sắc	CNTT	
197	CQ18DH1270	Vũ Thị Ngọc Thu	ĐH CN phần mềm K18	96,00	98,00	97,00	Xuất sắc	CNTT	
198	CQ18DH1360	Phú Phi Tiến	ĐH CN phần mềm K18	79,00	53,00	66,00	Khá	CNTT	
199	CQ18DH1424	Nguyễn Đức Toàn	ĐH CN phần mềm K18	88,00	48,00	68,00	Khá	CNTT	
200	CQ18DH1392	Bùi Quốc Tuấn	ĐH CN phần mềm K18	88,00	89,00	89,00	Tốt	CNTT	
201	CQ18DH1529	Lại Thế Vinh	ĐH CN phần mềm K18	98,00	99,00	99,00	Xuất sắc	CNTT	
202	CQ17DH0730	Bùi Thế Anh	ĐH Công nghệ phần mềm K17	95,00	92,00	94,00	Xuất sắc	CNTT	
203	CQ17DH0369	Trần Nguyễn Như Bảo	ĐH Công nghệ phần mềm K17	96,00	86,00	91,00	Xuất sắc	CNTT	
204	CQ17DH0339	Phạm Văn Dũng	ĐH Công nghệ phần mềm K17	97,00	93,00	95,00	Xuất sắc	CNTT	
205	CQ17DH0587	Phạm Văn Đạt	ĐH Công nghệ phần mềm K17	89,00	85,00	87,00	Tốt	CNTT	
206	CQ17DH0423	Nguyễn Trung Đức	ĐH Công nghệ phần mềm K17	95,00	86,00	91,00	Xuất sắc	CNTT	
207	CQ17DH0538	Trương Tiền Giang	ĐH Công nghệ phần mềm K17	95,00	86,00	91,00	Xuất sắc	CNTT	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
208	CQ17DH0855	Nguyễn Việt Hoàng	ĐH Công nghệ phần mềm K17	79,00	85,00	82,00	Tốt	CNTT	
209	CQ17DH0844	Lê Gia Huy	ĐH Công nghệ phần mềm K17	60,00	50,00	55,00	Trung bình	CNTT	
210	CQ17DH0540	Hoàng Hải Hưng	ĐH Công nghệ phần mềm K17	89,00	86,00	88,00	Tốt	CNTT	
211	CQ17DH0653	Nguyễn Nam Khánh	ĐH Công nghệ phần mềm K17	79,00	88,00	84,00	Tốt	CNTT	
212	CQ17DH0909	Nguyễn Ngọc Khánh	ĐH Công nghệ phần mềm K17	95,00	91,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
213	CQ17DH0375	Trần Thiên Lý	ĐH Công nghệ phần mềm K17	96,00	96,00	96,00	Xuất sắc	CNTT	
214	CQ17DH0734	Đỗ Tiến Minh	ĐH Công nghệ phần mềm K17	95,00	91,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
215	CQ17DH0877	Đặng Thái Tuyên	ĐH Công nghệ phần mềm K17	64,00	84,00	74,00	Khá	CNTT	
216	CQ17DH0899	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	ĐH Công nghệ phần mềm K17	95,00	91,00	93,00	Xuất sắc	CNTT	
217	CQ17DH0836	Vũ Thị Phương Uyên	ĐH Công nghệ phần mềm K17	89,00	85,00	87,00	Tốt	CNTT	
218	CQ16DH0012	Nguyễn Đức Dũng	ĐH Mạng máy tính K16	95,00	93,00	94,00	Xuất sắc	CNTT	
219	CQ16DH0411	Nguyễn Đức Đạt	ĐH Mạng máy tính K16	95,00	92,00	94,00	Xuất sắc	CNTT	
220	CQ16DH0422	Tạ Minh Đức	ĐH Mạng máy tính K16	95,00	86,00	91,00	Xuất sắc	CNTT	
221	CQ16DH0249	Phạm Xuân Huy	ĐH Mạng máy tính K16	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	CNTT	
222	CQ16DH0425	Ngô Đình Khương	ĐH Mạng máy tính K16	89,00	87,00	88,00	Tốt	CNTT	
223	CQ16DH0526	Tô Đức Mạnh	ĐH Mạng máy tính K16	89,00	92,00	91,00	Xuất sắc	CNTT	
224	CQ16DH0567	Trần Duy Nam	ĐH Mạng máy tính K16	89,00	92,00	91,00	Xuất sắc	CNTT	
225	CQ16DH0672	Phan Hải Ninh	ĐH Mạng máy tính K16	89,00	86,00	88,00	Tốt	CNTT	
226	CQ16DH0384	Trương Hùng Việt	ĐH Mạng máy tính K16	89,00	92,00	91,00	Xuất sắc	CNTT	
227	LA15DH0022	Phathana Khampong	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K10)	65,00	90,00	78,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
228	LA16DH0038	Souksakhone Phuipanya	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	65,00	82,00	74,00	Khá	Điện	
229	LA16DH0049	Jacky Seelathone	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	78,00	79,00	79,00	Khá	Điện	
230	LA17DH0013	Anong Houmsavath	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	78,00	76,00	77,00	Khá	Điện	
231	LA17DH0015	Khamphet Khamsovath	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	75,00	64,00	70,00	Khá	Điện	
232	LA17DH0024	Somsanith Latsamee	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	74,00	64,00	69,00	Khá	Điện	
233	LA17DH0028	Mock Lonsulin	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	65,00	76,00	71,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Nhắc nhở, Mức xử lý: 1
234	LA17DH0027	Sai Luangvanphone	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	65,00	83,00	74,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Nhắc nhở, Mức xử lý: 1
235	LA17DH0023	Phouthasit Malayphet	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	70,00	79,00	75,00	Khá	Điện	
236	LA17DH0026	Chekky Kham One	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	61,00	72,00	67,00	Khá	Điện	
237	LA17DH0014	Souphasit Phomphukdee	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	64,00	73,00	69,00	Khá	Điện	
238	LA17DH0031	Phouthakone Thamavong	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	72,00	73,00	73,00	Khá	Điện	
239	LA17DH0029	Aphiluck Xaidee	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	78,00	76,00	77,00	Khá	Điện	
240	LA17DH0025	Phongphisith Xaiyavong	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	74,00	72,00	73,00	Khá	Điện	
241	CQ15DH0048	Mạc Văn Duy	ĐH CN kỹ thuật điện K15	76,00	65,00	71,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
242	CQ15DH0049	Nguyễn Quốc Duy	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	78,00	72,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỳ luật
243	CQ15DH0045	Hoàng Duy Đồng	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	93,00	79,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
244	CQ15DH0046	Đinh Ngọc Đức	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	83,00	74,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
245	CQ15DH0238	Phạm Trung Hiếu	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	75,00	70,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
246	CQ15DH0052	Đào Ngọc Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	83,00	74,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
247	CQ15DH0053	Nguyễn Văn Kiên	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
248	CQ15DH0062	Nguyễn Nhật Minh	ĐH CN kỹ thuật điện K15	80,00	65,00	73,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
249	CQ15DH0063	Trần Hải Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K15	83,00	65,00	74,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
250	CQ15DH0064	Trần Đình Trọng Nghĩa	ĐH CN kỹ thuật điện K15	77,00	65,00	71,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
251	CQ15DH0067	Phạm Đức Phương	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
252	CQ15DH0069	Nguyễn Minh Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
253	CQ15DH0085	Vũ Mạnh Tuấn	ĐH CN kỹ thuật điện K15	75,00	65,00	70,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
254	CQ15DH0080	Tạ Huy Tú	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
255	CQ15DH0099	Nguyễn Chí Vĩ	ĐH CN kỹ thuật điện K15	65,00	93,00	79,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
256	CQ16DH0398	Nguyễn Tuấn Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K16	89,00	65,00	77,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
257	CQ16DH0315	Nguyễn Mạnh Duy	ĐH CN kỹ thuật điện K16	75,00	75,00	75,00	Khá	Điện	
258	CQ16DH0038	Nguyễn Trường Giang	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	82,00	74,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
259	CQ16DH0551	Phạm Đình Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
260	CQ16DH0646	Lê Công Hoàn	ĐH CN kỹ thuật điện K16	80,00	63,00	72,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
261	CQ16DH0326	Vũ Mạnh Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	82,00	74,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
262	CQ16DH0598	Ngô Phi Long	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	82,00	74,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
263	CQ16DH0327	Nguyễn Hoàng Long	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
264	CQ16DH0448	Đặng Đình Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K16	78,00	80,00	79,00	Khá	Điện	
265	CQ16DH0638	Nguyễn Trọng Nghĩa	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
266	CQ16DH0267	Nguyễn Đức Thắng	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00		65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
267	CQ16DH0424	Vũ Văn Việt	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
268	CQ17DH0638	Phạm Đức An	ĐH CN kỹ thuật điện K17	65,00	73,00	69,00	Khá	Điện	
269	CQ17DH0280	Phạm Lê Hoàng Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	60,00	79,00	70,00	Khá	Điện	
270	CQ17DH0028	Đinh Quang Bảo	ĐH CN kỹ thuật điện K17	69,00	81,00	75,00	Khá	Điện	
271	CQ17DH0554	Lê Chí Bảo	ĐH CN kỹ thuật điện K17	77,00	80,00	79,00	Khá	Điện	
272	CQ17DH0696	Phạm Đình Duy	ĐH CN kỹ thuật điện K17	70,00	80,00	75,00	Khá	Điện	
273	CQ17DH0888	Nguyễn Hải Dương	ĐH CN kỹ thuật điện K17	76,00	79,00	78,00	Khá	Điện	
274	CQ17DH0811	Nguyễn Tùng Dương	ĐH CN kỹ thuật điện K17	77,00	76,00	77,00	Khá	Điện	
275	CQ17DH0608	Phùng Đức Dương	ĐH CN kỹ thuật điện K17	78,00	79,00	79,00	Khá	Điện	
276	CQ17DH0585	Lâm Việt Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	77,00	81,00	79,00	Khá	Điện	
277	CQ17DH0534	Ngô Việt Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	75,00	79,00	77,00	Khá	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
278	CQ17DH0641	Vũ Thành Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	60,00	81,00	71,00	Khá	Điện	
279	CQ17DH0762	Phan Thành Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K17	63,00	68,00	66,00	Khá	Điện	
280	CQ17DH0843	Phạm Văn Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K17	84,00	74,00	79,00	Khá	Điện	
281	CQ17DH0348	Phạm Hữu Quang	ĐH CN kỹ thuật điện K17	62,00	81,00	72,00	Khá	Điện	
282	CQ17DH0189	Vũ Mạnh Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K17	73,00	79,00	76,00	Khá	Điện	
283	CQ17DH0806	Nguyễn Trọng Thêm	ĐH CN kỹ thuật điện K17	64,00	79,00	72,00	Khá	Điện	
284	CQ17DH0766	Ngô Quang Tiến	ĐH CN kỹ thuật điện K17	78,00	79,00	79,00	Khá	Điện	
285	CQ17DH0403	Vũ Anh Tú	ĐH CN kỹ thuật điện K17	68,00	79,00	74,00	Khá	Điện	
286	CQ17DH0795	Bùi Lâm Tùng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	65,00	80,00	73,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
287	CQ17DH0079	Nguyễn Huy Hoàng Tùng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	72,00	79,00	76,00	Khá	Điện	
288	CQ17DH0615	Tạ Lâm Tùng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	78,00	79,00	79,00	Khá	Điện	
289	CQ15DH0042	Đoàn Văn Công	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	65,00	86,00	76,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
290	CQ15DH0050	Nguyễn Trung Hiếu	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
291	CQ15DH0054	Đinh Quang Lâm	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	80,00	65,00	73,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
292	CQ15DH0055	Lâm Văn Linh	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
293	CQ15DH0240	Bùi Văn Lực	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	65,00	89,00	77,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
294	CQ15DH0071	Phạm Minh Quyết	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	65,00	92,00	79,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
295	CQ15DH0143	Đặng Văn Yên	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	65,00	88,00	77,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
296	CQ16DH0312	Ngô Việt Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	65,00	90,00	78,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
297	CQ16DH0482	Nguyễn Văn Huy	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	65,00	87,00	76,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
298	CQ16DH0004	Đinh Hồng Quân	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	90,00	65,00	78,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
299	CQ16DH0440	Đỗ Mạnh Quân	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	65,00	90,00	78,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
300	CQ17DH0561	Phạm Quỳnh An	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	65,00	80,00	73,00	Khá	Điện	
301	CQ17DH0751	Nguyễn Đức Anh	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	71,00	85,00	78,00	Khá	Điện	
302	CQ17DH0567	Nguyễn Đức Tuấn Anh	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	69,00	87,00	78,00	Khá	Điện	
303	CQ17DH0552	Nguyễn Lê Tuấn Anh	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	70,00	85,00	78,00	Khá	Điện	
304	CQ17DH0510	Nguyễn Mạnh Cường	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	69,00	79,00	74,00	Khá	Điện	
305	CQ17DH0048	Đào Quang Đại	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	70,00	80,00	75,00	Khá	Điện	
306	CQ17DH0564	Lục Minh Đức	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	75,00	82,00	79,00	Khá	Điện	
307	CQ17DH0426	Lê Hồng Hải	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	60,00	80,00	70,00	Khá	Điện	
308	CQ17DH0296	Hoàng Trung Hiếu	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	77,00	80,00	79,00	Khá	Điện	
309	CQ17DH0544	Trần Quốc Khánh	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
310	CQ17DH0658	Trần Đức Thắng	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	65,00	79,00	72,00	Khá	Điện	
311	CQ17DH0700	Vũ Văn Việt	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	65,00	91,00	78,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
312	CQ16DH0306	Hoàng Đức Anh	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	83,00	74,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
313	CQ16DH0505	Lê Hải Anh	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	71,00	68,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
314	CQ16DH0328	Hồ Minh Chiến	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	89,00	77,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
315	CQ16DH0608	Nguyễn Nhật Duy	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	77,00	71,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
316	CQ16DH0607	Mai Tiến Dũng	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
317	CQ16DH0034	Ngô Tiến Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	73,00	69,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
318	CQ16DH0330	Quách Tiến Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	89,00	77,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
319	CQ16DH0609	Vũ Thành Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	74,00	78,00	Khá	Điện	
320	CQ16DH0335	Văn Trọng Hiếu	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	75,00	70,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
321	CQ16DH0390	Vũ Văn Hiệu	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	80,00	73,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
322	CQ16DH0372	Ngô Huy Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	80,00	73,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
323	CQ16DH0459	Bùi Cường Thịnh	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	86,00	76,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
324	CQ16DH0467	Nguyễn Việt Vũ	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
325	CQ17DH0451	Nguyễn Tuấn Anh	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	79,00	72,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
326	CQ17DH0279	Vũ Trọng Việt Anh	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	89,00	77,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
327	CQ17DH0178	Ngô Tùng Dương	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	70,00	70,00	70,00	Khá	Điện	
328	CQ17DH0460	Nguyễn Anh Đức	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
329	CQ17DH0459	Nguyễn Việt Đức	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	69,00	67,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
330	CQ17DH0921	Trần Hải	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	66,00	65,00	66,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
331	CQ17DH0034	Trần Minh Hiếu	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	70,00	70,00	70,00	Khá	Điện	
332	CQ17DH0917	Nguyễn Văn Hoà	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
333	CQ17DH0396	Bùi Huy Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	73,00	73,00	73,00	Khá	Điện	
334	CQ17DH0622	Phan Đàm Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	79,00	78,00	79,00	Khá	Điện	
335	CQ17DH0191	Trương Quốc Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	
336	CQ17DH0167	Lý Trung Kiên	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	69,00	69,00	69,00	Khá	Điện	
337	CQ17DH0627	Nguyễn Hải Nam	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	70,00	70,00	70,00	Khá	Điện	
338	CQ17DH0031	Nguyễn Ngọc Nam	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	79,00	72,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
339	CQ17DH0402	Mạc Khánh Quang	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	68,00	68,00	68,00	Khá	Điện	
340	CQ17DH0261	Đinh Ngọc Sơn	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	68,00	89,00	79,00	Khá	Điện	
341	CQ17DH0605	Đồng Văn Thuận	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	73,00	65,00	69,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
342	CQ17DH0431	Trần Trung Việt	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	81,00	72,00	77,00	Khá	Điện	
343	CQ17DH0549	Nguyễn Văn Vũ	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	71,00	68,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
344	CQ17DH0546	Nguyễn Tiến Dũng	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	65,00	72,00	69,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
345	CQ17DH0661	Bùi Việt Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	76,00	65,00	71,00	Khá	Điện	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
346	CQ17DH0368	Vũ Văn Huy	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	69,00	70,00	70,00	Khá	Điện	
347	CQ17DH0243	Phan Gia Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	76,00	80,00	78,00	Khá	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
348	CQ17DH0616	Đỗ Trung Kiên	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	76,00	78,00	77,00	Khá	Điện	
349	CQ17DH0784	Bùi Trung Mạnh	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	73,00	64,00	69,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
350	CQ17DH0394	Nguyễn Thành Minh	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	80,00	65,00	73,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
351	CQ17DH0701	Trần Quang Minh	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	71,00	74,00	73,00	Khá	Điện	
352	CQ17DH0281	Đỗ Thái Sơn	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	72,00	74,00	73,00	Khá	Điện	
353	CQ17DH0707	Nguyễn Duy Thái	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	76,00	80,00	78,00	Khá	Điện	
354	CQ17DH0656	Đinh Văn Thành	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
355	CQ17DH0747	Nguyễn Tiến Thành	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	77,00	63,00	70,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
356	CQ17DH0711	Trần Ngọc Thành	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	74,00	77,00	76,00	Khá	Điện	
357	CQ17DH0820	Lê Đức Thắng	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	74,00	78,00	76,00	Khá	Điện	
358	CQ17DH0889	Trần Nhật Tiến	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	65,00	77,00	71,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
359	CQ17DH0787	Phan Văn Trung	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	76,00	65,00	71,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
360	CQ17DH0657	Nguyễn Mạnh Tùng	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	78,00	65,00	72,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
361	CQ15DH0102	Trần Đức Anh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	81,00	73,00	Khá	Điện	
362	CQ15DH0093	Vũ Lê Ngọc Anh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	60,00	81,00	71,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
363	CQ15DH0104	Nguyễn Viết Bảo	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	70,00	81,00	76,00	Khá	Điện	
364	CQ15DH0146	Phạm Đức Cảnh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	72,00	69,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
365	CQ15DH0161	Vũ Khánh Duy	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	81,00	73,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
366	CQ15DH0275	Nông Đức Đại	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	72,00	85,00	79,00	Khá	Điện	
367	CQ15DH0106	Đinh Văn Đô	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	72,00	81,00	77,00	Khá	Điện	
368	CQ15DH0113	Lê Trung Hiếu	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	64,00	81,00	73,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
369	CQ15DH0148	Tô Ngọc Hiền	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	78,00	63,00	71,00	Khá	Điện	
370	CQ15DH0222	Nguyễn Đức Hoàng	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	66,00	85,00	76,00	Khá	Điện	
371	CQ15DH0117	Phạm Minh Huy	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	63,00	81,00	72,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
372	CQ15DH0118	Trần Khắc Huy	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	81,00	73,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
373	CQ15DH0115	Trần Minh Hùng	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	82,00	74,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
374	CQ15DH0122	Vương Xuân Khánh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	84,00	75,00	Khá	Điện	
375	CQ15DH0124	Nguyễn Hoàng Kỳ	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	73,00	73,00	73,00	Khá	Điện	
376	CQ15DH0169	Nguyễn Hoàng Long	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	80,00	59,00	70,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
377	CQ15DH0170	Trần Duy Long	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	78,00	80,00	79,00	Khá	Điện	
378	CQ15DH0126	Bùi Anh Minh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
379	CQ15DH0128	Vũ Trường Nam	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
380	CQ15DH0019	Ngô Trọng Nhân	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
381	CQ15DH0264	Phạm Thị Tuyết Nhung	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	90,00	65,00	78,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
382	CQ15DH0095	Nguyễn Quang Ninh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
383	CQ15DH0156	Lê Văn Phát	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	93,00	79,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
384	CQ15DH0066	Lâm Xuân Phương	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	64,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
385	CQ15DH0131	Nguyễn Minh Quân	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	76,00	71,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
386	CQ15DH0073	Lê Ngọc Sơn	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	83,00	63,00	73,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
387	CQ15DH0134	Lê Chiến Thắng	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	78,00	79,00	79,00	Khá	Điện	
388	CQ15DH0136	Nguyễn Mạnh Tiến	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	79,00	64,00	72,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
389	CQ15DH0159	Nguyễn Thành Trung	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	68,00	73,00	71,00	Khá	Điện	
390	CQ15DH0138	Dương Minh Tuấn	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	77,00	80,00	79,00	Khá	Điện	
391	CQ15DH0139	Nguyễn Thế Tuấn	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	78,00	78,00	78,00	Khá	Điện	
392	CQ15DH0142	Chu Thiên Vũ	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	78,00	78,00	78,00	Khá	Điện	
393	CQ16DH0161	Phạm Mạnh Cường	ĐH Công nghệ cơ điện K16	90,00	65,00	78,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
394	CQ16DH0285	Đỗ Anh Tuấn	ĐH Công nghệ cơ điện K16	65,00	65,00	65,00	Khá	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
395	LA16DH0037	Noa Leuangnasin	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
396	LA16DH0039	Phounsit Lorsomma	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	82,00	79,00	81,00	Tốt	Điện	
397	LA16DH0013	Phoudhasit Saiyasone	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	82,00	84,00	83,00	Tốt	Điện	
398	LA17DH0016	Hak Sommixay	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K17)	78,00	83,00	81,00	Tốt	Điện	
399	CQ15DH0291	Lê Quốc Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K15	85,00	92,00	89,00	Tốt	Điện	
400	CQ15DH0094	Phạm Huy Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	88,00	85,00	Tốt	Điện	
401	CQ15DH0089	Nguyễn Mạnh Cường	ĐH CN kỹ thuật điện K15	77,00	87,00	82,00	Tốt	Điện	
402	CQ15DH0246	Tăng Thanh Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	91,00	86,00	Tốt	Điện	
403	CQ15DH0086	Ninh Vũ Phi Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện K15	74,00	90,00	82,00	Tốt	Điện	
404	CQ15DH0056	Nguyễn Hoàng Long	ĐH CN kỹ thuật điện K15	80,00	93,00	87,00	Tốt	Điện	
405	CQ15DH0100	Vũ Văn Long	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	93,00	87,00	Tốt	Điện	
406	CQ15DH0061	Nguyễn Công Minh	ĐH CN kỹ thuật điện K15	77,00	90,00	84,00	Tốt	Điện	
407	CQ15DH0091	Đinh Cao Nguyên	ĐH CN kỹ thuật điện K15	75,00	86,00	81,00	Tốt	Điện	
408	CQ15DH0070	Nguyễn Ngọc Quang	ĐH CN kỹ thuật điện K15	80,00	91,00	86,00	Tốt	Điện	
409	CQ15DH0068	Bùi Đức Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	91,00	86,00	Tốt	Điện	
410	CQ15DH0072	Đinh Thái Sơn	ĐH CN kỹ thuật điện K15	78,00	89,00	84,00	Tốt	Điện	
411	CQ15DH0252	Nguyễn Văn Sơn	ĐH CN kỹ thuật điện K15	77,00	90,00	84,00	Tốt	Điện	
412	CQ15DH0077	Phạm Đức Toàn	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	88,00	85,00	Tốt	Điện	
413	CQ15DH0237	Nguyễn Trần Trung	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	92,00	87,00	Tốt	Điện	
414	CQ15DH0265	Vũ Xuân Trường	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	91,00	86,00	Tốt	Điện	
415	CQ15DH0083	Nguyễn Kim Tùng	ĐH CN kỹ thuật điện K15	81,00	93,00	87,00	Tốt	Điện	
416	CQ16DH0373	Đỗ Đức Bình	ĐH CN kỹ thuật điện K16	87,00	87,00	87,00	Tốt	Điện	
417	CQ16DH0617	Vũ Chí Công	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	84,00	83,00	Tốt	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
418	CQ16DH0471	Đặng Đức Dũng	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
419	CQ16DH0652	Trần Ngọc Dương	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	84,00	83,00	Tốt	Điện	
420	CQ16DH0245	Vũ Triều Dương	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	80,00	81,00	Tốt	Điện	
421	CQ16DH0682	Nguyễn Huy Đạt	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
422	CQ16DH0621	Nguyễn Hữu Hải	ĐH CN kỹ thuật điện K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	Điện	
423	CQ16DH0544	Vũ Bá Hải	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
424	CQ16DH0184	Cù Ngọc Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	Điện	
425	CQ16DH0001	Chu Duy Khánh	ĐH CN kỹ thuật điện K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	Điện	
426	CQ16DH0523	Đào Đăng Khánh	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
427	CQ16DH0511	Lưu Mạnh Khoa	ĐH CN kỹ thuật điện K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	Điện	
428	CQ16DH0581	Bùi Quang Linh	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
429	CQ16DH0464	Nguyễn Hoàng Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
430	CQ16DH0661	Hoàng Văn Phi	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
431	CQ16DH0603	Đỗ Văn Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
432	CQ16DH0651	Hà Minh Tiến	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	80,00	81,00	Tốt	Điện	
433	CQ16DH0244	Đặng Trần Toàn	ĐH CN kỹ thuật điện K16	88,00	82,00	85,00	Tốt	Điện	
434	CQ16DH0069	Vũ Văn Toàn	ĐH CN kỹ thuật điện K16	82,00	93,00	88,00	Tốt	Điện	
435	CQ17DH0791	Bùi Quỳnh Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	85,00	92,00	89,00	Tốt	Điện	
436	CQ17DH0923	Lục Duy Đạt	ĐH CN kỹ thuật điện K17	84,00	83,00	84,00	Tốt	Điện	
437	CQ17DH0572	Trần Mạnh Đạt	ĐH CN kỹ thuật điện K17	84,00	81,00	83,00	Tốt	Điện	
438	CQ17DH0580	Nguyễn Ngọc Diệp	ĐH CN kỹ thuật điện K17	84,00	83,00	84,00	Tốt	Điện	
439	CQ17DH0241	Bùi Minh Hiếu	ĐH CN kỹ thuật điện K17	80,00	79,00	80,00	Tốt	Điện	
440	CQ17DH0435	Lê Phạm Gia Khánh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	80,00	85,00	83,00	Tốt	Điện	
441	CQ17DH0175	Phạm Huy Khiêm	ĐH CN kỹ thuật điện K17	89,00	88,00	89,00	Tốt	Điện	
442	CQ17DH0508	Đỗ Văn Lượng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	77,00	83,00	80,00	Tốt	Điện	
443	CQ17DH0759	Trần Minh Lượng	ĐH CN kỹ thuật điện K17	80,00	83,00	82,00	Tốt	Điện	
444	CQ17DH0802	Lã Hải Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K17	83,00	87,00	85,00	Tốt	Điện	
445	CQ17DH0062	Nguyễn Thị Thu Nga	ĐH CN kỹ thuật điện K17	87,00	76,00	82,00	Tốt	Điện	
446	CQ17DH0763	Nguyễn Hòa Phát	ĐH CN kỹ thuật điện K17	87,00	78,00	83,00	Tốt	Điện	
447	CQ17DH0144	Nguyễn Minh Phúc	ĐH CN kỹ thuật điện K17	86,00	81,00	84,00	Tốt	Điện	
448	CQ17DH0685	Trương Quang Trung	ĐH CN kỹ thuật điện K17	86,00	91,00	89,00	Tốt	Điện	
449	CQ17DH0642	Vũ Tuấn Vinh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	86,00	90,00	88,00	Tốt	Điện	
450	CQ15DH0044	Nguyễn Tiến Đạt	ĐH CN kỹ thuật điện tử K15	85,00	87,00	86,00	Tốt	Điện	
451	CQ15DH0092	Bùi Đức Hải	ĐH CN kỹ thuật điện tử K15	85,00	90,00	88,00	Tốt	Điện	
452	CQ15DH0287	Nguyễn Văn Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K15	84,00	89,00	87,00	Tốt	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
453	CQ15DH0082	Trần Anh Tuấn	ĐH CN kỹ thuật điện tử K15	86,00	90,00	88,00	Tốt	Điện	
454	CQ16DH0522	Cao Trường Duy	ĐH CN kỹ thuật điện tử K16	88,00	88,00	88,00	Tốt	Điện	
455	CQ16DH0187	Nguyễn Thế Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	Điện	
456	CQ16DH0669	Ngô Văn Khánh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	Điện	
457	CQ16DH0596	Đặng Ngọc Long	ĐH CN kỹ thuật điện tử K16	84,00	84,00	84,00	Tốt	Điện	
458	CQ16DH0604	Nguyễn Tiến Sơn	ĐH CN kỹ thuật điện tử K16	85,00	85,00	85,00	Tốt	Điện	
459	CQ16DH0214	Nguyễn Văn Thái	ĐH CN kỹ thuật điện tử K16	88,00	88,00	88,00	Tốt	Điện	
460	CQ17DH0752	Nguyễn Phan Chính	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	70,00	90,00	80,00	Tốt	Điện	
461	CQ17DH0477	Hà Tuấn Dương	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	80,00	88,00	84,00	Tốt	Điện	
462	CQ17DH0283	Phạm Trọng Đại	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	83,00	82,00	83,00	Tốt	Điện	
463	CQ17DH0659	Nguyễn Tiến Đạt	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	77,00	83,00	80,00	Tốt	Điện	
464	CQ17DH0732	Cao Trung Hiếu	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	84,00	82,00	83,00	Tốt	Điện	
465	CQ17DH0699	Trần Huy Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	77,00	85,00	81,00	Tốt	Điện	
466	CQ17DH0247	Lê Thành Long	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	80,00	88,00	84,00	Tốt	Điện	
467	CQ17DH0647	Nguyễn Đức Nam	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	80,00	88,00	84,00	Tốt	Điện	
468	CQ17DH0761	Nguyễn Phương Nam	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	89,00	83,00	86,00	Tốt	Điện	
469	CQ17DH0278	Hoàng Xuân Quyết	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	80,00	88,00	84,00	Tốt	Điện	
470	CQ17DH0410	Nguyễn Đức Sỹ	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	80,00	80,00	80,00	Tốt	Điện	
471	CQ17DH0465	Bùi Văn Kiên Tâm	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	83,00	94,00	89,00	Tốt	Điện	
472	CQ17DH0507	Vũ Tuấn Thùy	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	87,00	88,00	88,00	Tốt	Điện	
473	CQ17DH0528	Cao Minh Tuệ	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	86,00	90,00	88,00	Tốt	Điện	
474	CQ17DH0900	Phùng Công Vinh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	77,00	83,00	80,00	Tốt	Điện	
475	CQ17DH0613	Hà Đình Vỹ	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	75,00	91,00	83,00	Tốt	Điện	
476	CQ16DH0452	Vũ Xuân Bắc	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	85,00	84,00	Tốt	Điện	
477	CQ16DH0380	Trần Đình Bằng	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	85,00	84,00	Tốt	Điện	
478	CQ16DH0660	Nguyễn Hải Đăng	ĐH CNKT tự động hóa K16	89,00	89,00	89,00	Tốt	Điện	
479	CQ16DH0288	Lê Văn Quảng Hà	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	77,00	80,00	Tốt	Điện	
480	CQ16DH0150	Nguyễn Bảo Hiệu	ĐH CNKT tự động hóa K16	86,00	89,00	88,00	Tốt	Điện	
481	CQ16DH0408	Lê Việt Hoàn	ĐH CNKT tự động hóa K16	87,00	87,00	87,00	Tốt	Điện	
482	CQ16DH0076	Trần Thành Long	ĐH CNKT tự động hóa K16	85,00	81,00	83,00	Tốt	Điện	
483	CQ16DH0612	Trần Hữu Lương	ĐH CNKT tự động hóa K16	89,00	89,00	89,00	Tốt	Điện	
484	CQ16DH0118	Đỗ Đức Minh	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	86,00	84,00	Tốt	Điện	
485	CQ16DH0443	Lê Văn Minh	ĐH CNKT tự động hóa K16	88,00	88,00	88,00	Tốt	Điện	
486	CQ16DH0095	Nguyễn Tiến Minh	ĐH CNKT tự động hóa K16	85,00	85,00	85,00	Tốt	Điện	
487	CQ16DH0207	Nguyễn Hải Nam	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	83,00	83,00	Tốt	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
488	CQ16DH0196	Đinh Đại Nghĩa	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	81,00	82,00	Tốt	Điện	
489	CQ16DH0339	Nguyễn Mạnh Nhân	ĐH CNKT tự động hóa K16	82,00	81,00	82,00	Tốt	Điện	
490	CQ16DH0374	Trần Minh Quang	ĐH CNKT tự động hóa K16	89,00	89,00	89,00	Tốt	Điện	
491	CQ16DH0686	Phạm Thanh Tùng	ĐH CNKT tự động hóa K16	89,00	85,00	87,00	Tốt	Điện	
492	CQ17DH0190	Lưu Thành An	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	87,00	78,00	83,00	Tốt	Điện	
493	CQ17DH0047	Trương Tú An	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	89,00	84,00	87,00	Tốt	Điện	
494	CQ17DH0655	Nguyễn Xuân Bình	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	86,00	76,00	81,00	Tốt	Điện	
495	CQ17DH0757	Ngô Minh Hoàn	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	86,00	86,00	86,00	Tốt	Điện	
496	CQ17DH0307	Trần Anh Khánh Ngọc	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	81,00	89,00	85,00	Tốt	Điện	
497	CQ17DH0393	Trần Văn Phương	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	87,00	89,00	88,00	Tốt	Điện	
498	CQ17DH0939	Nguyễn Đoàn Thái Toàn	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	85,00	85,00	85,00	Tốt	Điện	
499	CQ17DH0215	Hà Thế Uy	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	89,00	89,00	89,00	Tốt	Điện	
500	CQ17DH0644	Nguyễn Việt Anh	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	88,00	90,00	89,00	Tốt	Điện	
501	CQ17DH0197	Phạm Mạnh Cường	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	80,00	85,00	83,00	Tốt	Điện	
502	CQ17DH0541	Đổng Xuân Hải	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	80,00	85,00	83,00	Tốt	Điện	
503	CQ17DH0779	Cù Như Thái Hòa	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	80,00	84,00	82,00	Tốt	Điện	
504	CQ17DH0781	Đặng Gia Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	82,00	83,00	83,00	Tốt	Điện	
505	CQ17DH0782	Đinh Xuân Khương	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	84,00	85,00	85,00	Tốt	Điện	
506	CQ17DH0679	Bùi Duy Mạnh	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	84,00	87,00	86,00	Tốt	Điện	
507	CQ17DH0786	Nguyễn Đức Quang	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	82,00	87,00	85,00	Tốt	Điện	
508	CQ17DH0768	Nguyễn Văn Tùng	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	88,00	76,00	82,00	Tốt	Điện	
509	CQ15DH0105	Phạm Minh Chiến	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	83,00	87,00	85,00	Tốt	Điện	
510	CQ15DH0109	Mạc Văn Dũng	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	84,00	88,00	86,00	Tốt	Điện	
511	CQ15DH0108	Lê Trung Đức	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	85,00	87,00	86,00	Tốt	Điện	
512	CQ15DH0107	Nguyễn Văn Đức	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	77,00	83,00	80,00	Tốt	Điện	
513	CQ15DH0088	Nguyễn Ngọc Hải	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	80,00	86,00	83,00	Tốt	Điện	
514	CQ15DH0149	Bùi Đức Hiếu	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	82,00	85,00	84,00	Tốt	Điện	
515	CQ15DH0150	Bùi Ngọc Hùng	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	81,00	86,00	84,00	Tốt	Điện	
516	CQ15DH0120	Ngô Nam Khánh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	80,00	87,00	84,00	Tốt	Điện	
517	CQ15DH0125	Nguyễn Ngọc Linh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	81,00	85,00	83,00	Tốt	Điện	
518	CQ15DH0151	Triệu Quý Linh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	84,00	92,00	88,00	Tốt	Điện	
519	CQ15DH0242	Ngô Đăng Long	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	78,00	82,00	80,00	Tốt	Điện	
520	CQ15DH0058	Phạm Đức Mạnh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	79,00	81,00	80,00	Tốt	Điện	
521	CQ15DH0153	Nguyễn Hoài Nam	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	79,00	82,00	81,00	Tốt	Điện	
522	CQ15DH0154	Lý Văn Ngân	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	85,00	92,00	89,00	Tốt	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
523	CQ15DH0155	Đặng Quang Nghĩa	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	82,00	86,00	84,00	Tốt	Điện	
524	CQ15DH0130	Lê Trần Bảo Phúc	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	81,00	83,00	82,00	Tốt	Điện	
525	CQ15DH0144	Nguyễn Thiện Quang	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	84,00	82,00	83,00	Tốt	Điện	
526	CQ15DH0132	Vũ Đăng Quang	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	79,00	82,00	81,00	Tốt	Điện	
527	CQ15DH0133	Chu An Tâm	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	79,00	80,00	80,00	Tốt	Điện	
528	CQ15DH0160	Lại Văn Tú	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	83,00	83,00	83,00	Tốt	Điện	
529	CQ15DH0140	Bùi Quang Tùng	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	83,00	85,00	84,00	Tốt	Điện	
530	CQ16DH0400	Trần Khải Minh	ĐH Công nghệ cơ điện K16	88,00	90,00	89,00	Tốt	Điện	
531	CQ16DH0261	Trần Quang Minh	ĐH Công nghệ cơ điện K16	65,00	94,00	80,00	Tốt	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1
532	CQ16DH0275	Nguyễn Hoàng Hiệp	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	62,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
533	CQ16DH0386	Trần Việt Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
534	CQ16DH0502	Trần Đức Vượng	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	61,00	63,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
535	CQ17DH0919	Ngô Trường An	ĐH CN kỹ thuật điện K17	62,00	63,00	63,00	Trung bình	Điện	
536	CQ17DH0686	Dương Văn Đông	ĐH CN kỹ thuật điện K17	58,00	65,00	62,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
537	CQ17DH0330	Nguyễn Phương Hoàng Ninh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	60,00	61,00	61,00	Trung bình	Điện	
538	CQ17DH0678	Phạm Thanh Phong	ĐH CN kỹ thuật điện K17	62,00	61,00	62,00	Trung bình	Điện	
539	CQ17DH0411	Đào Mạnh Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K17	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1
540	CQ17DH0916	Nguyễn Xuân Sơn	ĐH CN kỹ thuật điện K17	58,00	61,00	60,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
541	CQ17DH0521	Nguyễn Tuấn Thành	ĐH CN kỹ thuật điện K17	58,00	66,00	62,00	Trung bình	Điện	
542	CQ16DH0033	Lê Văn Thái	ĐH CN kỹ thuật điện K16	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
543	CQ16DH0543	Nguyễn Tiến Dũng	ĐH CNKT tự động hóa K16	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1
544	CQ17DH0654	Đào Ngô Đức Anh	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	56,00	61,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
545	CQ17DH0555	Tạ Tùng Dương	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	56,00	61,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
546	CQ17DH0100	Hoàng Mạnh Hùng	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	65,00	55,00	60,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
547	CQ17DH0938	Nguyễn Quốc Hưng	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	52,00	52,00	52,00	Trung bình	Điện	
548	CQ17DH0448	Nguyễn Đăng khoa	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	64,00	57,00	61,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
549	CQ17DH0208	Nguyễn Đức Nam	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	61,00	61,00	61,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
550	CQ17DH0551	Hoàng Văn Phú	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	58,00	51,00	55,00	Trung bình	Điện	
551	CQ17DH0531	Đào Việt Phúc	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	67,00	56,00	62,00	Trung bình	Điện	
552	CQ17DH0630	Bùi Trịnh Quyết	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	50,00	50,00	50,00	Trung bình	Điện	
553	CQ17DH0418	Bùi Vũ Minh Hiếu	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	65,00	61,00	63,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
554	CQ17DH0780	Vũ Quốc Huy	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	65,00	59,00	62,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
555	CQ17DH0438	Nguyễn Việt Hưng	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	54,00	65,00	60,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
556	CQ15DH0162	Trương Văn Dương	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	55,00	60,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
557	CQ15DH0112	Hoàng Trung Hiếu	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	65,00	56,00	61,00	Trung bình	Điện	Kỳ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
558	CQ15DH0059	Nguyễn Đức Mạnh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	62,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
559	CQ15DH0243	Nguyễn Tiến Quân	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	62,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
560	CQ15DH0157	Đinh Xuân Thanh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
561	CQ15DH0135	Phạm Công Thành	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
562	CQ16DH0368	Phạm Thành Long	ĐH Công nghệ cơ điện K16	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
563	CQ16DH0462	Nguyễn Hồng Phúc	ĐH Công nghệ cơ điện K16	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
564	LA16DH0035	Tar Bounphonexay	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Điện	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
565	LA16DH0036	Hue Khamphone	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	91,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
566	LA16DH0001	Thanouxay Khounmany	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K16)	90,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
567	CQ15DH0040	Đặng Quý Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K15	88,00	93,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
568	CQ15DH0041	Phùng Trọng Chinh	ĐH CN kỹ thuật điện K15	92,00	95,00	94,00	Xuất sắc	Điện	
569	CQ15DH0043	Trần Mạnh Cường	ĐH CN kỹ thuật điện K15	94,00	95,00	95,00	Xuất sắc	Điện	
570	CQ15DH0047	Nguyễn Mạnh Dũng	ĐH CN kỹ thuật điện K15	92,00	94,00	93,00	Xuất sắc	Điện	
571	CQ15DH0090	Lê Minh Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện K15	92,00	95,00	94,00	Xuất sắc	Điện	
572	CQ15DH0101	Trần Chung Kiên	ĐH CN kỹ thuật điện K15	86,00	94,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
573	CQ15DH0087	Nguyễn Đức Lộc	ĐH CN kỹ thuật điện K15	94,00	94,00	94,00	Xuất sắc	Điện	
574	CQ15DH0060	Hoàng Công Minh	ĐH CN kỹ thuật điện K15	95,00	94,00	95,00	Xuất sắc	Điện	
575	CQ15DH0098	Hoàng Văn Tiến	ĐH CN kỹ thuật điện K15	93,00	96,00	95,00	Xuất sắc	Điện	
576	CQ15DH0078	Nguyễn Việt Trung	ĐH CN kỹ thuật điện K15	91,00	94,00	93,00	Xuất sắc	Điện	
577	CQ15DH0081	Lê Anh Tuấn	ĐH CN kỹ thuật điện K15	89,00	94,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
578	CQ16DH0121	Ninh Văn Bảo	ĐH CN kỹ thuật điện K16	91,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
579	CQ16DH0222	Hà Quang Sơn	ĐH CN kỹ thuật điện K16	91,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
580	CQ16DH0160	Hồ Quang Thái	ĐH CN kỹ thuật điện K16	93,00	95,00	94,00	Xuất sắc	Điện	
581	CQ17DH0792	Đậu Thị Vân Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	99,00	96,00	98,00	Xuất sắc	Điện	
582	CQ17DH0750	Hoàng Nhật Anh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	98,00	97,00	98,00	Xuất sắc	Điện	
583	CQ17DH0285	Trần Trung Dương	ĐH CN kỹ thuật điện K17	89,00	92,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
584	CQ17DH0793	Vũ Tiến Mạnh	ĐH CN kỹ thuật điện K17	91,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
585	CQ17DH0904	Lương Thành Xuân	ĐH CN kỹ thuật điện K17	90,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
586	CQ15DH0075	Trần Quốc Thắng	ĐH CN kỹ thuật điện từ K15	90,00	94,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
587	CQ16DH0093	Phạm Thành An	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
588	CQ16DH0589	Đỗ Thế Anh	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
589	CQ16DH0432	Hoàng Mạnh Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
590	CQ16DH0302	Trịnh Huy Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
591	CQ16DH0602	Nguyễn Thế Phúc	ĐH CN kỹ thuật điện từ K16	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
592	CQ17DH0764	Vũ Kiến Quốc	ĐH CN kỹ thuật điện từ K17	94,00	98,00	96,00	Xuất sắc	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
593	CQ17DH0681	Nguyễn Văn Thăng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K17	93,00	91,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
594	CQ16DH0264	Hoàng Đức Hậu	ĐH CNKT tự động hóa K16	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
595	CQ16DH0434	Phạm Văn Hiếu	ĐH CNKT tự động hóa K16	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
596	CQ16DH0683	Đào Quốc Huy	ĐH CNKT tự động hóa K16	92,00	90,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
597	CQ16DH0534	Đỗ Quang Huy	ĐH CNKT tự động hóa K16	90,00	89,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
598	CQ16DH0572	Trần Hoàng Lân	ĐH CNKT tự động hóa K16	90,00	89,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
599	CQ16DH0142	Vũ Hoàng Sơn	ĐH CNKT tự động hóa K16	92,00	94,00	93,00	Xuất sắc	Điện	
600	CQ16DH0197	Phạm Đức Thành	ĐH CNKT tự động hóa K16	92,00	90,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
601	CQ16DH0431	Bùi Trung Thực	ĐH CNKT tự động hóa K16	94,00	90,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
602	CQ16DH0536	Bùi Văn Trung	ĐH CNKT tự động hóa K16	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	Điện	
603	CQ16DH0420	Phạm Anh Tuấn	ĐH CNKT tự động hóa K16	95,00	91,00	93,00	Xuất sắc	Điện	
604	CQ17DH0268	Nguyễn Chí Chính	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	97,00	100	99,00	Xuất sắc	Điện	
605	CQ17DH0212	Mai Thị Thùy Dương	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	96,00	100	98,00	Xuất sắc	Điện	
606	CQ17DH0835	Dương Thiên Bảo	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
607	CQ17DH0775	Nguyễn Đức Duy	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
608	CQ17DH0777	Nguyễn Đức Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	90,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
609	CQ17DH0778	Vũ Bá Đăng	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	Điện	
610	CQ17DH0783	Nguyễn Văn Long	ĐH CNKT tự động hóa K17 B	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
611	CQ15DH0280	Trịnh Thị Thùy Dung	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
612	CQ15DH0241	Nguyễn Tất Duy	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
613	CQ15DH0147	Nguyễn Văn Dũng	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	93,00	95,00	94,00	Xuất sắc	Điện	
614	CQ15DH0110	Nguyễn Trường Giang	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
615	CQ15DH0114	Sênh Đức Hoàn	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	90,00	92,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
616	CQ15DH0119	Dương Văn Khải	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	90,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
617	CQ15DH0123	Điệp Trung Kiên	ĐH CNKT Tự động hóa K15 A	91,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
618	CQ15DH0152	Hoàng Hải Long	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	90,00	95,00	93,00	Xuất sắc	Điện	
619	CQ15DH0127	Vũ Tuấn Minh	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	90,00	92,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
620	CQ15DH0239	Nguyễn Phương Nam	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	90,00	94,00	92,00	Xuất sắc	Điện	
621	CQ15DH0158	Phạm Tiến Thành	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	94,00	94,00	94,00	Xuất sắc	Điện	
622	CQ15DH0076	Bùi Đức Thi	ĐH CNKT Tự động hóa K15 B	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
623	CQ16DH0235	Trần Đại Nghĩa	ĐH Công nghệ cơ điện K16	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Điện	
624	CQ16DH0135	Trương Văn Vỹ	ĐH Công nghệ cơ điện K16	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Điện	
625	CQ16DH0628	Nguyễn Minh Tâm	ĐH CN kỹ thuật điện K16	41,00	34,00	38,00	Yếu	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
626	CQ16DH0006	Vũ Trọng Thùy	ĐH CN kỹ thuật điện K16	41,00	33,00	37,00	Yếu	Điện	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
627	CQ17DH0022	Phạm Hoàng Sơn	ĐH CNKT tự động hóa K17 A	42,00	35,00	39,00	Yếu	Điện	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
628	LA15DH0026	Meelyda Laoly	ĐH Kế toán tổng hợp K15	95,00	98,00	97,00	Xuất sắc	Kinh tế	
629	LA15DH0020	Vongluxay Andy	ĐH Kế toán tổng hợp K15	65,00	86,00	76,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
630	LA15DH0012	Somsakdy Aoy	ĐH Kế toán tổng hợp K15	65,00	86,00	76,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
631	LA15DH0027	Souksenboun Souphaphone	ĐH Kế toán tổng hợp K15	86,00	65,00	76,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
632	LA16DH0022	Souphaphone Bounmeexay	ĐH Kế toán tổng hợp K16	82,00	88,00	85,00	Tốt	Kinh tế	
633	LA16DH0016	Phetsavanh Keovongsy	ĐH Kế toán tổng hợp K16	88,00	89,00	89,00	Tốt	Kinh tế	
634	LA16DH0033	Norkeo Outhaithammavong	ĐH Kế toán tổng hợp K16	83,00	89,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
635	LA16DH0034	Kesone Phommasone	ĐH Kế toán tổng hợp K16	83,00	88,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
636	LA17DH0010	Latthadone Bounmeesouk	ĐH Kế toán tổng hợp K17	76,00	82,00	79,00	Khá	Kinh tế	
637	LA17DH0011	Phetlakone Chanthip	ĐH Kế toán tổng hợp K17	78,00	80,00	79,00	Khá	Kinh tế	
638	LA17DH0008	Mong Keokhamban	ĐH Kế toán tổng hợp K17	65,00	76,00	71,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
639	LA17DH0012	Keoviengkhone Thorlathy	ĐH Kế toán tổng hợp K17	76,00	80,00	78,00	Khá	Kinh tế	
640	LA17DH0009	One Xaysommay	ĐH Kế toán tổng hợp K17	65,00	76,00	71,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
641	CQ15DH0268	Bùi Phương Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	86,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
642	CQ15DH0229	Đầu Thị Lan Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	84,00	90,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
643	CQ15DH0213	Lê Ngọc Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	86,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
644	CQ15DH0186	Nguyễn Thị Vân Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	96,00	99,00	98,00	Xuất sắc	Kinh tế	
645	CQ15DH0188	Nguyễn Văn Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	87,00	85,00	Tốt	Kinh tế	
646	CQ15DH0251	Trần Thị Ngọc Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	86,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
647	CQ15DH0187	Vũ Thị Vân Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	89,00	89,00	89,00	Tốt	Kinh tế	
648	CQ15DH0190	Vũ Thị Thùy Dung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	94,00	94,00	94,00	Xuất sắc	Kinh tế	
649	CQ15DH0191	Chiu Tiên Dũng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	85,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
650	CQ15DH0194	Nguyễn Thúy Hạnh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	86,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
651	CQ15DH0207	Lê Thu Hằng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Kinh tế	
652	CQ15DH0195	Nguyễn Thu Hoài	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	86,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
653	CQ15DH0196	Vũ Minh Hồng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	86,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
654	CQ15DH0208	Triệu Diễm Hương	ĐH Kế toán tổng hợp K15	86,00	90,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
655	CQ15DH0209	Trần Thị Lệ	ĐH Kế toán tổng hợp K15	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Kinh tế	
656	CQ15DH0255	Nguyễn Thị Liên	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	88,00	85,00	Tốt	Kinh tế	
657	CQ15DH0244	Đỗ Thị Mai Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	Kinh tế	
658	CQ15DH0235	Phan Thị Khánh Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	96,00	96,00	96,00	Xuất sắc	Kinh tế	
659	CQ15DH0210	Phạm Thị Loan	ĐH Kế toán tổng hợp K15	96,00	96,00	96,00	Xuất sắc	Kinh tế	
660	CQ15DH0248	Vũ Văn Mạnh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	80,00	84,00	82,00	Tốt	Kinh tế	
661	CQ15DH0211	Nguyễn Thị Bích Ngọc	ĐH Kế toán tổng hợp K15	97,00	99,00	98,00	Xuất sắc	Kinh tế	
662	CQ15DH0250	Đỗ Thị Nhung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	96,00	96,00	96,00	Xuất sắc	Kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
663	CQ15DH0236	Vũ Thùy Nhung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	88,00	90,00	89,00	Tốt	Kinh tế	
664	CQ15DH0205	Đào Bích Phượng	ĐH Kế toán tổng hợp K15	81,00	85,00	83,00	Tốt	Kinh tế	
665	CQ15DH0197	Nguyễn Như Quỳnh	ĐH Kế toán tổng hợp K15	80,00	86,00	83,00	Tốt	Kinh tế	
666	CQ15DH0198	Dương Thanh Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	83,00	86,00	85,00	Tốt	Kinh tế	
667	CQ15DH0199	Đỗ Vi Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	83,00	87,00	85,00	Tốt	Kinh tế	
668	CQ15DH0200	Nguyễn Thị Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	89,00	91,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
669	CQ15DH0212	Triệu Thị Thảo	ĐH Kế toán tổng hợp K15	94,00	94,00	94,00	Xuất sắc	Kinh tế	
670	CQ15DH0202	Nguyễn Thị Thu Thủy	ĐH Kế toán tổng hợp K15	96,00	96,00	96,00	Xuất sắc	Kinh tế	
671	CQ15DH0201	Hoàng Vũ Văn Thư	ĐH Kế toán tổng hợp K15	83,00	85,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
672	CQ15DH0203	Nguyễn Thành Trung	ĐH Kế toán tổng hợp K15	82,00	86,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
673	CQ15DH0204	Mạc Thị Hải Yến	ĐH Kế toán tổng hợp K15	88,00	64,00	76,00	Khá	Kinh tế	
674	CQ16DH0138	Nguyễn Ngọc An	ĐH Kế toán tổng hợp K16	65,00	64,00	65,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
675	CQ16DH0088	Đỗ Phương Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	83,00	95,00	89,00	Tốt	Kinh tế	
676	CQ16DH0393	Hoàng Thị Văn Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	98,00	100	99,00	Xuất sắc	Kinh tế	
677	CQ16DH0079	Nguyễn Thị Thu Hiền	ĐH Kế toán tổng hợp K16	92,00	93,00	93,00	Xuất sắc	Kinh tế	
678	CQ16DH0174	Nguyễn Thị Thu Huyền	ĐH Kế toán tổng hợp K16	90,00	96,00	93,00	Xuất sắc	Kinh tế	
679	CQ16DH0023	Lê Quang Khải	ĐH Kế toán tổng hợp K16	88,00	92,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
680	CQ16DH0531	Bùi Hà Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	82,00	93,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
681	CQ16DH0668	Phạm Khánh Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	65,00	63,00	64,00	Trung bình	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
682	CQ16DH0657	Phạm Thùy Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	88,00	90,00	89,00	Tốt	Kinh tế	
683	CQ16DH0438	Đào Diệp Ly	ĐH Kế toán tổng hợp K16	90,00	98,00	94,00	Xuất sắc	Kinh tế	
684	CQ16DH0677	Trần Thùy Ly	ĐH Kế toán tổng hợp K16	65,00	89,00	77,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
685	CQ16DH0648	Đỗ Hoàng Thanh Ngân	ĐH Kế toán tổng hợp K16	78,00	89,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
686	CQ16DH0367	Lã Thị Hiền Ngân	ĐH Kế toán tổng hợp K16	94,00	95,00	95,00	Xuất sắc	Kinh tế	
687	CQ16DH0449	Mạc Thị Minh Ngọc	ĐH Kế toán tổng hợp K16	79,00	96,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
688	CQ16DH0557	Nguyễn Hồng Ngọc	ĐH Kế toán tổng hợp K16	82,00	93,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
689	CQ16DH0039	Lê Thảo Nguyên	ĐH Kế toán tổng hợp K16	78,00	94,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
690	CQ16DH0018	Trần Bình Ninh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	88,00	94,00	91,00	Xuất sắc	Kinh tế	
691	CQ16DH0348	Hứa Thị Thu Phượng	ĐH Kế toán tổng hợp K16	98,00	100	99,00	Xuất sắc	Kinh tế	
692	CQ16DH0073	Đỗ Như Quỳnh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	82,00	90,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
693	CQ16DH0421	Nguyễn Thị Quỳnh	ĐH Kế toán tổng hợp K16	90,00	94,00	92,00	Xuất sắc	Kinh tế	
694	CQ16DH0558	Phạm Thị Thanh Tâm	ĐH Kế toán tổng hợp K16	90,00	93,00	92,00	Xuất sắc	Kinh tế	
695	CQ16DH0618	Lê Thị Thêm	ĐH Kế toán tổng hợp K16	65,00	83,00	74,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
696	CQ16DH0345	Nguyễn Thùy Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K16	94,00	98,00	96,00	Xuất sắc	Kinh tế	
697	CQ16DH0255	Trần Huyền Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K16	65,00	93,00	79,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
698	CQ16DH0064	Vi Thị Huyền Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K16	92,00	95,00	94,00	Xuất sắc	Kinh tế	
699	CQ16DH0383	Vi Thị Thủy Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K16	65,00	94,00	80,00	Tốt	Kinh tế	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
700	CQ16DH0640	Bùi Thị Vân	ĐH Kế toán tổng hợp K16	90,00	92,00	91,00	Xuất sắc	Kinh tế	
701	CQ17DH0903	Bùi Thị Ngọc Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	87,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
702	CQ17DH0457	Lê Ngọc Ánh	ĐH Kế toán tổng hợp K17	100	100	100	Xuất sắc	Kinh tế	
703	CQ17DH0723	Dương Huyền Chi	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	88,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
704	CQ17DH0936	Đặng Dũng Cường	ĐH Kế toán tổng hợp K17	82,00	82,00	82,00	Tốt	Kinh tế	
705	CQ17DH0260	Nguyễn Ba Duy	ĐH Kế toán tổng hợp K17	65,00	65,00	65,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
706	CQ17DH0007	Nguyễn Thị Hằng	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	88,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
707	CQ17DH0471	Nguyễn Thị Thương Huyền	ĐH Kế toán tổng hợp K17	100	100	100	Xuất sắc	Kinh tế	
708	CQ17DH0355	Tô Anh Lành	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	90,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
709	CQ17DH0725	Nguyễn Minh Hà Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	87,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
710	CQ17DH0930	Nguyễn Thảo Phương	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	88,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
711	CQ17DH0726	Đỗ Thị Bích Phượng	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	88,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
712	CQ17DH0912	Hoàng Thị Thu Quỳnh	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	88,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
713	CQ17DH0893	Vũ Lưu Diễm Quỳnh	ĐH Kế toán tổng hợp K17	96,00	93,00	95,00	Xuất sắc	Kinh tế	
714	CQ17DH0932	Bùi Thu Thủy	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	88,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
715	CQ17DH0727	Đỗ Thị Thu Thủy	ĐH Kế toán tổng hợp K17	83,00	85,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
716	CQ17DH0474	Hoàng Thị Minh Thư	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	87,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
717	CQ17DH0052	Nguyễn Thị Thu Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	88,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
718	CQ17DH0365	Từ Minh Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K17	85,00	87,00	86,00	Tốt	Kinh tế	
719	CQ17DH0722	Mạ Thị Xen	ĐH Kế toán tổng hợp K17	79,00	65,00	72,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
720	LA15DH0025	Khanmeexai Dokkeo	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	90,00	65,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
721	LA15DH0014	Saysomboun Lathda	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	65,00	88,00	77,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
722	LA15DH0015	Phakeo Lathdavanh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	65,00	87,00	76,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
723	LA15DH0035	Chanhngakham Mingkham	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	90,00	65,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
724	LA15DH0010	Thepphomhak Sitthisay	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	63,00	84,00	74,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
725	LA15DH0031	Vongluexay Sounita	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	86,00	65,00	76,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
726	LA16DH0023	Xam Chathvee	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp (Lào K16)	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	Kinh tế	
727	LA16DH0003	Maikham Lao	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp (Lào K16)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
728	LA16DH0002	Pavina Manivone	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp (Lào K16)	50,00	65,00	58,00	Trung bình	Kinh tế	Kỳ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
729	LA16DH0024	Phaphaksone Thepphavong	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp (Lào K16)	95,00	84,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
730	CQ15DH0223	Trịnh Duy Anh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	83,00	65,00	74,00	Khá	Kinh tế	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
731	CQ15DH0002	Đỗ Sỹ Đan	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
732	CQ15DH0254	Đỗ Ngọc Hằng	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	83,00	89,00	86,00	Tốt	Kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
733	CQ15DH0225	Nguyễn Hải Nam	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	88,00	87,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
734	CQ15DH0230	Lê Thế Phong	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	80,00	89,00	85,00	Tốt	Kinh tế	
735	CQ15DH0261	Đặng Ngọc Tiên	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	98,00	96,00	97,00	Xuất sắc	Kinh tế	
736	CQ15DH0226	Trương Tiến Toàn	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	65,00	89,00	77,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
737	CQ15DH0259	Lưu Thị Quỳnh Trang	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	90,00	92,00	91,00	Xuất sắc	Kinh tế	
738	CQ15DH0227	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	100	95,00	98,00	Xuất sắc	Kinh tế	
739	CQ15DH0267	Nguyễn Quốc Trung	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	80,00	87,00	84,00	Tốt	Kinh tế	
740	CQ15DH0228	Nguyễn Thị Cẩm Tú	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
741	CQ15DH0231	Phạm Thanh Tùng	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K15	65,00	59,00	62,00	Trung bình	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
742	CQ16DH0310	Đoàn Khánh Duy	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K16	78,00	55,00	67,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
743	CQ16DH0151	Diệp Hữu Tùng Dương	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K16	95,00	92,00	94,00	Xuất sắc	Kinh tế	
744	CQ16DH0136	Trần Đình Trung	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K16	80,00	55,00	68,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
745	CQ17DH0524	Nguyễn Ngọc Ánh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	95,00	94,00	95,00	Xuất sắc	Kinh tế	
746	CQ17DH0931	Vũ Đức Hải	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	65,00	88,00	77,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
747	CQ17DH0635	Bạch Trung Hiếu	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	80,00	93,00	87,00	Tốt	Kinh tế	
748	CQ17DH0597	Lê Hải Linh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	76,00	61,00	69,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
749	CQ17DH0624	Nguyễn Đức Nam	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	80,00	84,00	82,00	Tốt	Kinh tế	
750	CQ17DH0421	Phạm Thị Thanh Phương	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
751	CQ17DH0068	Nguyễn Như Quỳnh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
752	CQ17DH0721	Lê Thị Vân	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K17	90,00	92,00	91,00	Xuất sắc	Kinh tế	
753	LA15DH0019	Meuangmany Bounmy	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	65,00	65,00	65,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
754	LA15DH0002	Khounnakhanty Bounphisit	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	65,00	90,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
755	LA15DH0032	Douangmala Dalounna	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	90,00	65,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
756	LA15DH0033	Sylimalay Hounghongkham	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	65,00	90,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
757	LA15DH0034	Phaengsavanh Khamlar	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	65,00	90,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
758	LA15DH0029	Vongkham Nida	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	98,00	98,00	98,00	Xuất sắc	Kinh tế	
759	LA15DH0018	Khounphilavanh Nitaya	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	65,00	90,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
760	LA15DH0004	Lidthideth Sengdao	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
761	LA15DH0001	Hatsady Soudalin	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	90,00	65,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
762	LA15DH0008	Xaiyavong Souphalin	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	90,00	65,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
763	LA15DH0006	Hervaxeng Soutida	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	94,00	94,00	94,00	Xuất sắc	Kinh tế	
764	LA15DH0028	Monexai Toun	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	90,00	65,00	78,00	Khá	Kinh tế	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
765	LA15DH0009	Nguyễn Văn Nhật Trọng	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K10)	65,00	96,00	81,00	Tốt	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
766	LA16DH0009	Ketmany Amnouayphone	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	65,00	95,00	80,00	Tốt	Kinh tế	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
767	LA16DH0047	Sou Chanpaserd	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	83,00	83,00	83,00	Tốt	Kinh tế	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
768	LA16DH0007	Chittakone Keokhouanchay	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	83,00	83,00	83,00	Tốt	Kinh tế	
769	LA16DH0053	Soudavone Keomanyvong	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
770	LA16DH0032	Sounitar Norlintha	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
771	LA16DH0031	Phonenida Phommachak	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	100	100	100	Xuất sắc	Kinh tế	
772	LA16DH0021	Kanlaya Phouthavong	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Kinh tế	
773	LA16DH0004	Soulisa Sosingdara	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Kinh tế	
774	LA16DH0019	Latmany Thanomsack	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Kinh tế	
775	LA16DH0010	Southida Thilavong	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	83,00	83,00	83,00	Tốt	Kinh tế	
776	LA16DH0012	Saengphet Yangjongmua	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K16)	88,00	88,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
777	LA17DH0006	Phannapha Keovongsack	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K17)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
778	LA17DH0002	Noyna Lobounhom	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K17)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
779	LA17DH0005	Anny Monty	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K17)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
780	LA17DH0003	Dalouny Phakeo	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K17)	88,00	88,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
781	LA17DH0004	Pouythip Philachan	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K17)	88,00	88,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
782	LA17DH0007	Soukkoumpha Phommalth	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K17)	88,00	88,00	88,00	Tốt	Kinh tế	
783	LA17DH0001	Thavixay Vilachit	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K17)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
784	CQ15DH0245	Lê Hồng Yến	ĐH Tài chính doanh nghiệp K15	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	Kinh tế	
785	CQ16DH0478	Nguyễn Hà Giang	ĐH Tài chính doanh nghiệp K16	70,00	70,00	70,00	Khá	Kinh tế	
786	CQ16DH0351	Trần Minh Hiếu	ĐH Tài chính doanh nghiệp K16	80,00	90,00	85,00	Tốt	Kinh tế	
787	CQ16DH0366	Nguyễn Duy Khánh	ĐH Tài chính doanh nghiệp K16	80,00	80,00	80,00	Tốt	Kinh tế	
788	CQ16DH0552	Trần Thảo Linh	ĐH Tài chính doanh nghiệp K16	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	Kinh tế	
789	CQ16DH0554	Nguyễn Đức Mạnh	ĐH Tài chính doanh nghiệp K16	90,00	88,00	89,00	Tốt	Kinh tế	
790	CQ16DH0555	Nguyễn Thảo My	ĐH Tài chính doanh nghiệp K16	100	100	100	Xuất sắc	Kinh tế	
791	CQ18DH1558	Trần Việt Quang	ĐH Tài chính doanh nghiệp K18	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
792	CQ18DH0698	Nguyễn Văn Phúc Trường	ĐH Tài chính doanh nghiệp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
793	CQ14DH0191	Đỗ Đức Ngọc	Quản trị kinh doanh tổng hợp K14	100		100	Xuất sắc	Kinh tế	
794	CQ18DH0634	Đào Duy Đức	ĐH CN Cơ điện mô K18	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
795	CQ18DH0702	Mai Trung Hiếu	ĐH CN Cơ điện mô K18	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
796	CQ18DH1308	Vũ Gia Hiếu	ĐH CN Cơ điện mô K18	84,00	55,00	70,00	Khá	KHCB	
797	CQ18DH1059	Trịnh Hoàng Gia Huy	ĐH CN Cơ điện mô K18	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
798	CQ18DH0741	Nguyễn Minh Phương	ĐH CN Cơ điện mô K18	90,00	85,00	88,00	Tốt	KHCB	
799	CQ18DH0931	Vũ Đức Tùng	ĐH CN Cơ điện mô K18	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
800	CQ18DH1475	Trần Nguyễn Anh	ĐH CN Điện lạnh K18	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
801	CQ18DH0572	Lã Thành Công	ĐH CN Điện lạnh K18	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
802	CQ18DH1466	Bùi Trung Hiếu	ĐH CN Điện lạnh K18	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
803	CQ18DH0685	Hà Nguyễn Duy Hoàng	ĐH CN Điện lạnh K18	92,00	91,00	92,00	Xuất sắc	KHCB	
804	CQ18DH0123	Nông Văn Hùng	ĐH CN Điện lạnh K18	86,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
805	CQ18DH0935	Nguyễn Danh Phong	ĐH CN Điện lạnh K18	84,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
806	CQ18DH0166	Tạ Văn Quynh	ĐH CN Điện lạnh K18	82,00	86,00	84,00	Tốt	KHCB	
807	CQ18DH1201	Nguyễn Thành Trung	ĐH CN Điện lạnh K18	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
808	CQ18DH1185	Phạm Anh Tuấn	ĐH CN Điện lạnh K18	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
809	CQ18DH0754	Hoàng Văn Vỹ	ĐH CN Điện lạnh K18	82,00	85,00	84,00	Tốt	KHCB	
810	LA18DH0013	Lethong Chanthavong	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K18)	89,00	88,00	89,00	Tốt	KHCB	
811	LA18DH0022	Phatthana Peuakkeo	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K18)	81,00	86,00	84,00	Tốt	KHCB	
812	LA18DH0024	Phongsakone Phetdala	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K18)	87,00	86,00	87,00	Tốt	KHCB	
813	LA18DH0014	Lue Tongyeethor	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K18)	91,00	91,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
814	LA18DH0020	SOUPHAKONE VILAYTHONG	ĐH CN kỹ thuật điện (Lào K18)	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
815	CQ18DH1061	Nguyễn Gia Bảo	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	58,00	78,00	68,00	Khá	KHCB	
816	CQ18DH0739	Lê Hùng Cường	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
817	CQ18DH0986	Trần Trường Dăng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
818	CQ18DH0678	Đặng Đăng Duy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	65,00	95,00	80,00	Tốt	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
819	CQ18DH1147	Tô Vinh Duy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
820	CQ18DH0564	Đoàn Trần Tiến Dũng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	77,00	77,00	Khá	KHCB	
821	CQ18DH1127	Phạm Trung Dũng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	26,00	79,00	53,00	Trung bình	KHCB	
822	CQ18DH0772	Vũ Văn Dương	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	77,00	77,00	Khá	KHCB	
823	CQ18DH1455	Lê Văn Đại	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
824	CQ18DH1521	Phan Mạnh Đạt	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
825	CQ18DH0408	Lê Phúc Định	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	78,00	78,00	Khá	KHCB	
826	CQ18DH1116	Vũ Trường Đông	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
827	CQ18DH0883	Đoàn Văn Đức	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
828	CQ18DH1307	Mai Trọng Đức	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	77,00	77,00	Khá	KHCB	
829	CQ18DH0659	Nguyễn Anh Đức	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	77,00	77,00	Khá	KHCB	
830	CQ18DH0895	Trần Quang Đức	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
831	CQ18DH1453	Nguyễn Quang Giáp	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
832	CQ18DH0914	Phạm Ngọc Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
833	CQ18DH1118	Đỗ Đình Hợi	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	58,00	87,00	73,00	Khá	KHCB	
834	CQ18DH1565	Bùi Quang Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	70,00	65,00	68,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
835	CQ18DH0373	Đỗ Văn Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
836	CQ18DH0731	Lê Nhật Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	59,00	73,00	Khá	KHCB	
837	CQ18DH0956	Nguyễn Bảo Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	59,00	73,00	Khá	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
838	CQ18DH0009	Nguyễn Quang Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
839	CQ18DH0747	Phan Ngọc Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
840	CQ18DH1069	Trần Quốc Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
841	CQ18DH1182	Trương Văn Huy	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
842	CQ18DH0091	Trần Mạnh Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
843	CQ18DH0384	Đào Quang Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	77,00	82,00	Tốt	KHCB	
844	CQ18DH0879	Phạm Ngọc Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
845	CQ18DH1148	Nguyễn Văn Hường	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	58,00	68,00	Khá	KHCB	
846	CQ18DH1418	Đoàn Minh Khoa	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
847	CQ18DH0619	Phạm Văn Khoa	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
848	CQ18DH0341	Phạm Anh Kiệt	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
849	CQ18DH1366	Trần Đức Kiệt	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
850	CQ18DH0830	Trương Văn Mạnh	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
851	CQ18DH0248	Hoàng Công Minh	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
852	CQ18DH1311	Lê Trường Minh	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
853	CQ18DH0524	Nguyễn Nhật Minh	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	47,00	67,00	Khá	KHCB	
854	CQ18DH1296	Hoàng Văn Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
855	CQ18DH1276	Trần Giang Nam	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
856	CQ18DH0087	Nguyễn Trung Nghĩa	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
857	CQ18DH0684	Nguyễn Đức Nguyên	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
858	CQ18DH1203	Phạm Văn Ninh	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	58,00	68,00	Khá	KHCB	
859	CQ18DH1314	Đỗ Thanh Phong	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
860	CQ18DH1104	Vũ Đình Quảng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	77,00	77,00	Khá	KHCB	
861	CQ18DH1072	Bùi Anh Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	65,00	77,00	71,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
862	CQ18DH0461	Nguyễn Dương Hồng Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	80,00	70,00	75,00	Khá	KHCB	
863	CQ18DH0387	Nguyễn Hồng Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
864	CQ18DH1496	Nguyễn Trần Đình Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	77,00	77,00	Khá	KHCB	
865	CQ18DH1141	Phạm Đức Quân	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	95,00	86,00	Tốt	KHCB	
866	CQ18DH0798	Nguyễn Xuân Quý	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	95,00	86,00	Tốt	KHCB	
867	CQ18DH0863	Nguyễn Anh Tài	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
868	CQ18DH0334	Trần Ngọc Thanh	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
869	CQ18DH1318	Trần Danh Thành	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
870	CQ18DH0873	Phạm Đình Thắng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	48,00	68,00	Khá	KHCB	
871	CQ18DH1212	Phạm Xuân Thường	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
872	CQ18DH1315	Vương Quốc Tiền	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
873	CQ18DH0354	Nguyễn Đức Toà	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
874	CQ18DH1320	Phạm Văn Trọng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	77,00	77,00	Khá	KHCB	
875	CQ18DH0844	Trương Văn Trọng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
876	CQ18DH0686	Đặng Đức Trung	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
877	CQ18DH0061	Hà Mạnh Trường	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	65,00	77,00	71,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1
878	CQ18DH0727	Hoàng Văn Trường	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
879	CQ18DH0253	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
880	CQ18DH1518	Nguyễn Ngọc Tuyền	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
881	CQ18DH0566	Đỗ Quang Tùng	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
882	CQ18DH0782	Nguyễn Hồng Việt	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
883	CQ18DH1239	Nguyễn Đức Anh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	87,00	86,00	Tốt	KHCB	
884	CQ18DH0027	Nguyễn Quốc Anh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	0,0	86,00	43,00	Yếu	KHCB	
885	CQ18DH1465	Phan Hoàng Việt Anh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
886	CQ18DH0333	Phạm Tuấn Anh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
887	CQ18DH1191	Nguyễn Thanh Bình	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	91,00	92,00	92,00	Xuất sắc	KHCB	
888	CQ18DH1067	Đào Nguyễn Khánh Duy	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	76,00	54,00	65,00	Khá	KHCB	
889	CQ18DH1070	Đinh Đức Duy	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	86,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
890	CQ18DH0964	Đinh Hoàng Duy	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	84,00	85,00	Tốt	KHCB	
891	CQ18DH0631	Vũ Tiến Dũng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	87,00	85,00	Tốt	KHCB	
892	CQ18DH0701	Nguyễn Thế Đan	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
893	CQ18DH1137	Vũ Tiến Đạt	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
894	CQ18DH0723	Nguyễn Thế Hải Đăng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	84,00	85,00	Tốt	KHCB	
895	CQ18DH0298	Đinh Văn Định	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
896	CQ18DH0920	Đinh Công Được	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	86,00	88,00	Tốt	KHCB	
897	CQ18DH0497	Dương Văn Đức	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	87,00	85,00	Tốt	KHCB	
898	CQ18DH0364	Đỗ Anh Đức	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
899	CQ18DH0652	Ngô Văn Hoàng Đức	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	98,00	97,00	98,00	Xuất sắc	KHCB	
900	CQ18DH0287	Nguyễn Minh Đức	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	85,00	84,00	Tốt	KHCB	
901	CQ18DH1363	Trần Văn Đức	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
902	CQ18DH0010	Nguyễn Hoàng Giang	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
903	CQ18DH0491	Nguyễn Ngọc Hiếu	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	87,00	86,00	Tốt	KHCB	
904	CQ18DH1513	Trịnh Văn Hiếu	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
905	CQ18DH1220	Vũ Bá Hoàng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
906	CQ18DH1041	Diệp Nguyễn Nhật Huy	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
907	CQ18DH1042	Đỗ Duy Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	87,00	89,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
908	CQ18DH1309	Phạm Huy Hùng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
909	CQ18DH1262	Dương Việt Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	88,00	65,00	77,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
910	CQ18DH1035	Nguyễn Quốc Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
911	CQ18DH1362	Vũ Tuấn Hưng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
912	CQ18DH0484	Phạm Tuấn Khang	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	87,00	89,00	Tốt	KHCB	
913	CQ18DH0571	Đinh Ngọc Bảo Khanh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	87,00	89,00	Tốt	KHCB	
914	CQ18DH1480	Đinh Trọng Khởi	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	85,00	84,00	Tốt	KHCB	
915	CQ18DH0448	Nguyễn Tuệ Lâm	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
916	CQ18DH1207	Hoàng Đức Lương	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	86,00	88,00	Tốt	KHCB	
917	CQ18DH1099	Trịnh Xuân Mạnh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	85,00	55,00	70,00	Khá	KHCB	
918	CQ18DH1312	Mạc Anh Minh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	87,00	82,00	85,00	Tốt	KHCB	
919	CQ18DH0544	Vũ Hoàng Minh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	85,00	84,00	Tốt	KHCB	
920	CQ18DH0816	Nguyễn Hoài Nam	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	86,00	81,00	84,00	Tốt	KHCB	
921	CQ18DH0270	Phạm Gia Nguyên	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	87,00	89,00	Tốt	KHCB	
922	CQ18DH0814	Đoàn Năng Phú	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	87,00	89,00	Tốt	KHCB	
923	CQ18DH1538	Trần Hoàng Phú	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
924	CQ18DH1002	Trần Khắc Phú	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	82,00	83,00	Tốt	KHCB	
925	CQ18DH0959	Trần Minh Quân	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
926	CQ18DH1471	Trần Hải Quyền	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
927	CQ18DH0059	Trần Vĩnh Quý	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	86,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
928	CQ18DH1186	Lê Minh Sơn	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	56,00	69,00	Khá	KHCB	
929	CQ18DH1490	Giáp Minh Thành	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	73,00	78,00	Khá	KHCB	
930	CQ18DH0125	Nguyễn Trung Thành	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
931	CQ18DH0326	Bùi Huy Thắng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	87,00	86,00	Tốt	KHCB	
932	CQ18DH0035	Trần Quang Thắng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	86,00	84,00	Tốt	KHCB	
933	CQ18DH0272	Bùi Cao Thiên	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	86,00	84,00	Tốt	KHCB	
934	CQ18DH1319	Lương Phúc Thiện	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
935	CQ18DH0677	Nguyễn Văn Thịnh	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	54,00	69,00	Khá	KHCB	
936	CQ18DH1174	Ngô Đức Trọng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	86,00	88,00	Tốt	KHCB	
937	CQ18DH1357	Nguyễn Thành Trung	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	86,00	88,00	Tốt	KHCB	
938	CQ18DH1562	Nguyễn Hoàng Trường	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	70,00	80,00	75,00	Khá	KHCB	
939	CQ18DH0950	Nguyễn Anh Tuấn	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	82,00	85,00	84,00	Tốt	KHCB	
940	CQ18DH0351	Phạm Anh Tú	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
941	CQ18DH1317	Phạm Minh Tú	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	84,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
942	CQ18DH0506	Đinh Văn Tùng	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	87,00	89,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
943	CQ18DH0496	Bùi Duy Vững	ĐH CN kỹ thuật điện tử K18	90,00	0,0	45,00	Yếu	KHCB	
944	LA18DH0006	Kao Her	Hầm và Cầu K18	94,00	93,00	94,00	Xuất sắc	KHCB	
945	LA18DH0009	Chok Phouthavong	Hầm và Cầu K18	89,00	88,00	89,00	Tốt	KHCB	
946	LA18DH0005	Lattanakone Soudethsansay	Hầm và Cầu K18	75,00	87,00	81,00	Tốt	KHCB	
947	LA18DH0021	Viengsavanh Thongsavat	Hầm và Cầu K18	96,00	93,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
948	CQ18DH1271	Phạm Tuấn Anh	ĐH CNKT công trình xây dựng hầm và cầu K18	96,00	95,00	96,00	Xuất sắc	KHCB	
949	CQ18DH0190	Ngô Trung Dũng	ĐH CNKT công trình xây dựng hầm và cầu K18	82,00	85,00	84,00	Tốt	KHCB	
950	CQ18DH1172	Đàm Hoàng Đăng	ĐH CNKT công trình xây dựng hầm và cầu K18	82,00	87,00	85,00	Tốt	KHCB	
951	CQ18DH0415	Vũ Bảo Anh	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
952	CQ18DH0452	Đới Ngọc Bảo	ĐH CNKT ô tô K18 A	65,00	81,00	73,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
953	CQ18DH0898	Nguyễn Mạnh Cường	ĐH CNKT ô tô K18 A	82,00	81,00	82,00	Tốt	KHCB	
954	CQ18DH1034	Trần Quang Diệu	ĐH CNKT ô tô K18 A	89,00	89,00	89,00	Tốt	KHCB	
955	CQ18DH1284	Trần Khánh Duy	ĐH CNKT ô tô K18 A	81,00	38,00	60,00	Trung bình	KHCB	
956	CQ18DH0247	Phạm Hải Duyên	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
957	CQ18DH1142	Nguyễn Trung Dũng	ĐH CNKT ô tô K18 A	81,00	81,00	81,00	Tốt	KHCB	
958	CQ17DH0662	Đinh Hồng Thái Dương	ĐH CNKT ô tô K18 A	72,00		72,00	Khá	KHCB	
959	CQ18DH0740	Đoàn Văn Dương	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
960	CQ18DH0907	Phạm Tiến Đạt	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
961	CQ18DH0046	Vũ Huy Đạt	ĐH CNKT ô tô K18 A	92,00	88,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
962	CQ18DH0432	Nguyễn Doãn Hải Đăng	ĐH CNKT ô tô K18 A	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
963	CQ18DH1184	Trịnh Minh Đức	ĐH CNKT ô tô K18 A	65,00	75,00	70,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
964	CQ18DH0481	Đỗ Thái Gia	ĐH CNKT ô tô K18 A	81,00	81,00	81,00	Tốt	KHCB	
965	CQ18DH0458	Cao Trung Hiếu	ĐH CNKT ô tô K18 A	86,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
966	CQ18DH1046	Nguyễn Tiến Hiếu	ĐH CNKT ô tô K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
967	CQ18DH0008	Nguyễn Vũ Đức Hiếu	ĐH CNKT ô tô K18 A	81,00	81,00	81,00	Tốt	KHCB	
968	CQ18DH0152	Trần Ninh Hoàng Hiệp	ĐH CNKT ô tô K18 A	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
969	CQ18DH1029	Nguyễn Xuân Hoà	ĐH CNKT ô tô K18 A	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
970	CQ18DH0841	Đỗ Huy Hoàng	ĐH CNKT ô tô K18 A	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
971	CQ18DH0271	Phạm Thế Huy	ĐH CNKT ô tô K18 A	90,00	88,00	89,00	Tốt	KHCB	
972	CQ18DH1414	Nguyễn Gia Hưng	ĐH CNKT ô tô K18 A	87,00	85,00	86,00	Tốt	KHCB	
973	CQ18DH1290	Nguyễn Vũ Nam Khánh	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
974	CQ18DH0465	Nguyễn Xuân Khánh	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
975	CQ18DH0041	Đào Anh Khoa	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
976	CQ18DH0871	Nguyễn Trung Kiên	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
978	CQ18DH1086	Tạ Tùng Lâm	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
979	CQ18DH0737	Nguyễn Hoàng Long	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
980	CQ18DH0426	Nguyễn Quang Lợi	ĐH CNKT ô tô K18 A	87,00	84,00	86,00	Tốt	KHCB	
981	CQ18DH1293	Nguyễn Công Luận	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
982	CQ18DH0983	Nguyễn Đức Mạnh	ĐH CNKT ô tô K18 A	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
983	CQ18DH0859	Vũ Đức Mạnh	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
984	CQ18DH0675	Hồ Phạm Đạt Minh	ĐH CNKT ô tô K18 A	87,00	89,00	88,00	Tốt	KHCB	
985	CQ18DH0760	Lưu Ngọc Mùi	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
986	CQ18DH1151	Trần Duy Mười	ĐH CNKT ô tô K18 A	65,00	77,00	71,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
987	CQ18DH0177	Nguyễn Trí Nghĩa	ĐH CNKT ô tô K18 A	86,00	84,00	85,00	Tốt	KHCB	
988	CQ18DH1125	Bùi Ngọc Phúc	ĐH CNKT ô tô K18 A	80,00	38,00	59,00	Trung bình	KHCB	
989	CQ18DH0383	Trần Minh Phương	ĐH CNKT ô tô K18 A	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
990	CQ18DH1484	Lê Minh Quang	ĐH CNKT ô tô K18 A	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
991	CQ18DH0582	Trần Minh Thái	ĐH CNKT ô tô K18 A	65,00	73,00	69,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
992	CQ18DH0724	Đỗ Đức Thành	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	65,00	75,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
993	CQ18DH0530	Trương Văn Thắng	ĐH CNKT ô tô K18 A	78,00	78,00	78,00	Khá	KHCB	
994	CQ18DH1382	Lê Đức Tiến	ĐH CNKT ô tô K18 A	86,00	84,00	85,00	Tốt	KHCB	
995	CQ18DH1140	Lê Minh Tiến	ĐH CNKT ô tô K18 A	81,00	81,00	81,00	Tốt	KHCB	
996	CQ18DH1302	Vũ Văn Tiến	ĐH CNKT ô tô K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
997	CQ18DH1124	Lý Công Trần	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
998	CQ18DH0110	Nguyễn Thành Trung	ĐH CNKT ô tô K18 A	80,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
999	CQ18DH0971	Vũ Chí Trung	ĐH CNKT ô tô K18 A	82,00	78,00	80,00	Tốt	KHCB	
1000	CQ18DH0280	Ngô Anh Trường	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	76,00	81,00	Tốt	KHCB	
1001	CQ18DH0818	Lê Hoàng Việt	ĐH CNKT ô tô K18 A	88,00	85,00	87,00	Tốt	KHCB	
1002	CQ18DH1303	Trương Hoàng Việt	ĐH CNKT ô tô K18 A	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1003	CQ18DH0294	Nguyễn Tiến Vinh	ĐH CNKT ô tô K18 A	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
1004	CQ18DH1004	Đỗ Đại Vĩ	ĐH CNKT ô tô K18 A	86,00	84,00	85,00	Tốt	KHCB	
1005	CQ18DH0069	Lê Đức Anh	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1006	CQ18DH0249	Lương Việt Anh	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1007	CQ18DH0714	Phạm Việt Anh	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1008	CQ18DH0756	Ngô Gia Bảo	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1009	CQ18DH1168	Ngô Xuân Bình	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1010	CQ18DH1282	Hoàng Kiên Cường	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1011	CQ18DH1032	Nguyễn Đức Duy	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	40,00	55,00	Trung bình	KHCB	
1012	CQ18DH1176	Hoàng Mạnh Dũng	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1013	CQ18DH0984	Nguyễn Trọng Dũng	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1014	CQ18DH0528	Đỗ Hải Dương	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	60,00	65,00	Khá	KHCB	
1015	CQ18DH0563	Trần Mạnh Dương	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	0,0	35,00	Yếu	KHCB	
1016	CQ18DH1498	Lê Văn Đức	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	60,00	65,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
1017	CQ18DH0775	Nguyễn Mạnh Đức	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1018	CQ18DH1056	Thái Việt Đức	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	70,00	65,00	Khá	KHCB	
1019	CQ18DH0700	Bùi Việt Hoàng	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	70,00	65,00	Khá	KHCB	
1020	CQ18DH0787	Nguyễn Văn Hợi	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1021	CQ18DH0640	Đào Mạnh Hùng	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	70,00	65,00	Khá	KHCB	
1022	CQ18DH0054	Trần Duy Khiêm	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	65,00	73,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1023	CQ18DH0255	Ngô Thành Long	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1024	CQ18DH1294	Nguyễn Thành Minh	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1025	CQ18DH0872	Nguyễn Văn Nam	ĐH CNKT ô tô K18 B	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1026	CQ18DH0837	Phạm Hoàng Nam	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	80,00	75,00	Khá	KHCB	
1027	CQ18DH1139	Nguyễn Trần Nguyên	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	40,00	50,00	Trung bình	KHCB	
1028	CQ18DH0600	Nguyễn Mạnh Phát	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1029	CQ18DH1447	Bùi Ngọc Phú	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	40,00	55,00	Trung bình	KHCB	
1030	CQ18DH0547	Lê Hoàng Phúc	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	80,00	75,00	Khá	KHCB	
1031	CQ18DH0443	Hoàng Quyền Quý	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	70,00	65,00	Khá	KHCB	
1032	CQ18DH1474	Đỗ Hoàng Sơn	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	60,00	60,00	Trung bình	KHCB	
1033	CQ18DH0284	Lý Văn Thành	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1034	CQ18DH0947	Trần Văn Thắng	ĐH CNKT ô tô K18 B	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1035	CQ18DH0492	Nguyễn Đức Tiến	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	60,00	65,00	Khá	KHCB	
1036	CQ18DH0656	Vũ Đức Tiến	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	70,00	65,00	Khá	KHCB	
1037	CQ18DH1472	Nguyễn Kiên Trung	ĐH CNKT ô tô K18 B	60,00	0,0	30,00	Kém	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1038	CQ18DH0541	Bùi Mạnh Trường	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1039	CQ18DH0593	Ngọc Tuấn Tú	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	65,00	68,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1040	CQ18DH0067	Trương Hoàng Việt	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1041	CQ18DH0170	Nguyễn Hoàng Vũ	ĐH CNKT ô tô K18 B	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1042	CQ18DH0022	Lương Minh Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	86,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
1043	CQ18DH0392	Nguyễn Hoàng Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	86,00	90,00	88,00	Tốt	KHCB	
1044	CQ18DH0606	Phạm Văn Tuấn Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	84,00	82,00	Tốt	KHCB	
1045	CQ18DH0632	Trần Đức Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
1046	CQ18DH0186	Phạm Gia Bách	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	84,00	82,00	Tốt	KHCB	
	CQ18DH0186	Phạm Gia Bách	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	84,00	82,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1048	CQ18DH0997	Phạm Vũ Gia Bảo	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1049	CQ18DH0665	Vũ Gia Bảo	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	87,00	85,00	Tốt	KHCB	
1050	CQ18DH1134	Phạm Nguyễn Cẩm Chi	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	88,00	87,00	88,00	Tốt	KHCB	
1051	CQ18DH1121	Nguyễn Minh Chí	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	81,00	81,00	Tốt	KHCB	
1052	CQ18DH0093	Lại Thành Công	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
1053	CQ18DH1539	Nguyễn Vũ Thành Công	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1054	CQ18DH1407	Uông Việt Cường	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	82,00	81,00	Tốt	KHCB	
1055	CQ18DH0244	Bùi Đức Dũng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1056	CQ18DH1236	Bùi Tiến Dũng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	82,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
1057	CQ18DH1237	Phạm Tiến Dũng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1058	CQ18DH0140	Trần Quang Dũng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	80,00	82,00	Tốt	KHCB	
1059	CQ18DH0607	Nghiêm Trường Dương	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	84,00	82,00	Tốt	KHCB	
1060	CQ18DH0129	Nguyễn Ánh Dương	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	82,00	88,00	85,00	Tốt	KHCB	
1061	CQ18DH0393	Nguyễn Hoàng Đại	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	88,00	86,00	Tốt	KHCB	
1062	CQ18DH0096	Nguyễn Thê Đại	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	88,00	85,00	Tốt	KHCB	
1063	CQ18DH0848	Bùi Tiến Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1064	CQ18DH0596	Hà Văn Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	88,00	86,00	Tốt	KHCB	
1065	CQ18DH0870	Nguyễn Thành Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	93,00	89,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1066	CQ18DH0324	Nguyễn Tiến Đông	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	81,00	83,00	Tốt	KHCB	
1067	CQ18DH0237	Ngô Quang Đức	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	90,00	93,00	92,00	Xuất sắc	KHCB	
1068	CQ18DH1226	Ngô Trung Đức	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	50,00	65,00	Khá	KHCB	
1069	CQ18DH0730	Nguyễn Văn Đức	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	88,00	86,00	Tốt	KHCB	
1070	CQ18DH0605	Phạm Anh Đức	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	82,00	79,00	81,00	Tốt	KHCB	
1071	CQ18DH0045	Tô Trường Giang	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	81,00	82,00	Tốt	KHCB	
1072	CQ18DH0770	Trần Việt Giang	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	81,00	83,00	Tốt	KHCB	
1073	CQ18DH0308	Đoàn Minh Hải	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1074	CQ18DH0052	Nguyễn Hữu Hải	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1075	CQ18DH1077	Phạm Minh Hải	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	88,00	85,00	Tốt	KHCB	
1076	CQ18DH1001	Triệu Đức Hải	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
1077	CQ18DH0854	Đào Quang Hậu	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	90,00	63,00	77,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
1078	CQ18DH1012	Phạm Ngọc Hiếu	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
1079	CQ18DH1023	Bùi Duy Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1080	CQ18DH0650	Bùi Việt Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1081	CQ18DH0073	Bùi Xuân Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1082	CQ18DH0773	Nguyễn Huy Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1083	CQ18DH1015	Đỗ Văn Học	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	88,00	84,00	Tốt	KHCB	
1084	CQ18DH0896	Bùi Gia Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	86,00	84,00	85,00	Tốt	KHCB	
1085	CQ18DH0864	Phạm Quang Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	86,00	85,00	86,00	Tốt	KHCB	
1086	CQ18DH0761	Phạm Thị Khánh Huyền	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	91,00	90,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1087	CQ18DH0111	Nguyễn Thắng Hùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1088	CQ18DH0459	Phan Bá Hùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	84,00	82,00	Tốt	KHCB	
1089	CQ18DH1326	Trần Danh Hùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	85,00	83,00	Tốt	KHCB	
1090	CQ18DH0579	Hoàng Tuấn Hưng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	85,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
1091	CQ18DH0881	Lê Vũ Hưng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	65,00	73,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1092	CQ18DH0664	Hoàng Việt Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1093	CQ18DH0066	Nguyễn Duy Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	65,00	88,00	77,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1094	CQ18DH1119	Tạ Duy Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	82,00	83,00	Tốt	KHCB	
1095	CQ18DH0335	Vũ Duy Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	85,00	83,00	Tốt	KHCB	
1096	CQ18DH0938	Hạ Gia Khôi	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	82,00	87,00	85,00	Tốt	KHCB	
1097	CQ18DH0309	Khổng Trung Kiên	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	82,00	88,00	85,00	Tốt	KHCB	
1098	CQ18DH0214	Mai Đức Long	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1099	CQ18DH0846	Nguyễn Hữu Hải Long	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	88,00	86,00	Tốt	KHCB	
1100	CQ18DH1503	Nguyễn Văn Long	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1101	CQ18DH0007	Phạm Phú Long	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	85,00	83,00	Tốt	KHCB	
1102	CQ18DH0053	Nguyễn Thế Lộc	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
1103	CQ18DH0310	Ngô Văn Nhất Minh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1104	CQ18DH0989	Nguyễn Ngọc Minh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
1105	CQ18DH1227	Lê Hoài Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	87,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1106	CQ18DH1514	Trương Vũ Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	88,00	86,00	Tốt	KHCB	
1107	CQ18DH1088	Nguyễn Trọng Nghĩa	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	86,00	88,00	87,00	Tốt	KHCB	
1108	CQ18DH0020	Hoàng Văn Ngọc	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	89,00	85,00	Tốt	KHCB	
1109	CQ18DH1445	Nguyễn Thái Nguyên	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	90,00	87,00	Tốt	KHCB	
1110	CQ18DH0259	Trịnh Xuân Nguyên	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1111	CQ18DH0264	Nguyễn Thế Phong	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt	KHCB	
1112	CQ18DH0943	Đỗ An Phú	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1113	CQ18DH1131	Nguyễn Văn Phú	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	83,00	88,00	86,00	Tốt	KHCB	
1114	CQ18DH0809	Phan Xuân Phú	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	84,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
1115	CQ18DH0994	Phùng Anh Quân	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	65,00	84,00	75,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1116	CQ18DH0609	Trần Anh Quân	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1117	CQ18DH0843	Văn Đức Quy	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	84,00	82,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1118	CQ18DH1169	Đoàn Quang Sơn	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	93,00	95,00	94,00	Xuất sắc	KHCB	
1119	CQ18DH0712	Nguyễn Thành Tâm	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	87,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1120	CQ18DH0752	Nguyễn Trọng Tấn	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	88,00	84,00	Tốt	KHCB	
1121	CQ18DH0796	Lại Văn Thanh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	87,00	84,00	Tốt	KHCB	
1122	CQ18DH1132	Phạm Chí Thanh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1123	CQ18DH1482	Bùi Kiến Thành	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	87,00	84,00	Tốt	KHCB	
1124	CQ18DH1198	Bùi Quang Thành	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1125	CQ18DH0887	Vũ Đức Thành	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	65,00	65,00	65,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1126	CQ18DH0958	Nguyễn Quang Thắng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	87,00	85,00	86,00	Tốt	KHCB	
1127	CQ18DH0982	Nguyễn Ngọc Thiện	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	65,00	50,00	58,00	Trung bình	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1128	CQ18DH0573	Nguyễn Trần Trung	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	90,00	86,00	Tốt	KHCB	
1129	CQ18DH0399	Triệu Sinh Trung	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	90,00	86,00	Tốt	KHCB	
1130	CQ18DH1108	Phạm Thanh Tú	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	83,00	82,00	Tốt	KHCB	
1131	CQ18DH0102	Lại Nhật Tùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	80,00	88,00	84,00	Tốt	KHCB	
1132	CQ18DH0002	Hoàng Công Vinh	ĐH CNKT tự động hóa K18 A	81,00	88,00	85,00	Tốt	KHCB	
1133	CQ18DH1329	Trần Đăng Kha	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
1134	CQ18DH1568	Nguyễn Phúc An	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1135	CQ18DH0075	Ban Tuấn Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	65,00	85,00	75,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1136	CQ18DH1166	Bùi Việt Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	86,00	83,00	85,00	Tốt	KHCB	
1137	CQ18DH1211	Phạm Nguyễn Việt Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	81,00	83,00	Tốt	KHCB	
1138	CQ18DH0183	Phạm Tuấn Anh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	87,00	86,00	Tốt	KHCB	
1139	CQ18DH0422	Đồng Gia Bảo	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1140	CQ18DH0389	Vũ Mạnh Chung	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	86,00	65,00	76,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1141	CQ18DH0042	Lê Thành Công	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	88,00	87,00	Tốt	KHCB	
1142	CQ18DH1385	Chu Mạnh Cường	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1143	CQ18DH1358	Lê Mạnh Cường	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1144	CQ18DH1322	Phạm Vĩnh Doanh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	91,00	88,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1145	CQ18DH1368	Đinh Thành Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	83,00	85,00	84,00	Tốt	KHCB	
1146	CQ18DH1323	Trần Thành Đạt	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
1147	CQ18DH1324	Phạm Hải Đăng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	95,00	88,00	92,00	Xuất sắc	KHCB	
1148	CQ18DH1325	Bùi Quang Anh Đức	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
1149	CQ18DH1013	Ngọc Lê Anh Đức	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	84,00	85,00	Tốt	KHCB	
1150	CQ18DH0785	Nguyễn Trung Đức	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1151	CQ18DH0416	Trần Thanh Hải	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	63,00	76,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1152	CQ18DH0014	Hoàng Bá Hạo	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	65,00	85,00	75,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1153	CQ18DH0990	Nguyễn Văn Hiếu	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1154	CQ18DH0078	Vũ Viết Trung Hiếu	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1155	CQ18DH0372	Nguyễn Thái Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1156	CQ18DH1096	Nguyễn Việt Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	63,00	74,00	Khá	KHCB	
1157	CQ18DH0427	Vũ Huy Hoàng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	90,00	85,00	88,00	Tốt	KHCB	
1158	CQ18DH0925	Đặng Duy Hoi	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1159	CQ18DH1464	Hoàng Quang Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1160	CQ18DH0213	Lê Quang Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	83,00	86,00	Tốt	KHCB	
1161	CQ18DH0154	Nguyễn Quang Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1162	CQ18DH1439	Trịnh Quang Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	84,00	86,00	Tốt	KHCB	
1163	CQ18DH0194	Vũ Đăng Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	95,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1164	CQ18DH1327	Vũ Quang Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	84,00	86,00	Tốt	KHCB	
1165	CQ18DH0565	Vũ Quốc Huy	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1166	CQ18DH0016	Đồng Mạnh Hùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	86,00	63,00	75,00	Khá	KHCB	
1167	CQ18DH1112	Ngô Bá Hùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
1168	CQ18DH0692	Phạm Văn Hùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1169	CQ18DH1330	Nguyễn Nam Khánh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1170	CQ18DH0013	Nguyễn Văn Kiên	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1171	CQ18DH0548	Đoàn Bảo Lâm	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1172	CQ18DH0751	Trần Tùng Lâm	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	87,00	86,00	Tốt	KHCB	
1173	CQ18DH0475	Khiếu Đức Linh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1174	CQ18DH1415	Nguyễn Lê Tuấn Long	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	89,00	88,00	89,00	Tốt	KHCB	
1175	CQ18DH0745	Nguyễn Tuấn Long	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	95,00	90,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1176	CQ18DH1030	Hoàng Thành Lộc	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1177	CQ18DH0679	Ngô Đức Mạnh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	89,00	86,00	88,00	Tốt	KHCB	
1178	CQ18DH0396	Nguyễn Thế Mạnh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
1179	CQ18DH1390	Lê Đoàn Minh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	86,00	85,00	86,00	Tốt	KHCB	
1180	CQ18DH0116	Mai Đức Minh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1181	CQ18DH0855	Nguyễn Công Minh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	94,00	92,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1182	CQ18DH0382	Nguyễn Gia Minh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	89,00	84,00	87,00	Tốt	KHCB	
1183	CQ18DH1206	Nguyễn Quang Minh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	80,00	63,00	72,00	Khá	KHCB	
1184	CQ18DH0311	Đỗ Hải Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	85,00	86,00	86,00	Tốt	KHCB	
1185	CQ18DH1331	Đỗ Văn Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	83,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
1186	CQ18DH0036	Lê Mạnh Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1187	CQ18DH1365	Ngô Hoài Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	86,00	87,00	Tốt	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1223	CQ18DH1560	Lê Phạm Hoàng Đạt	ĐH CNSX tự động K18	60,00	60,00	60,00	Trung bình	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiến trách, Mức xử lý: 1
1224	CQ18DH0076	Trần Anh Đức	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1225	CQ18DH1179	Nguyễn Trung Hiếu	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1226	CQ18DH0395	Dương Giang Huy	ĐH CNSX tự động K18	70,00	80,00	75,00	Khá	KHCB	
1227	CQ18DH0375	Lê Công Huy	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1228	CQ18DH0780	Vũ Quang Huy	ĐH CNSX tự động K18	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1229	CQ18DH1579	Nguyễn Trung Kiên	ĐH CNSX tự động K18	70,00	0,0	35,00	Yếu	KHCB	
1230	CQ18DH0602	Trần Trung Kiên	ĐH CNSX tự động K18	70,00	80,00	75,00	Khá	KHCB	
1231	CQ18DH1552	Lê Lại Phi Long	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1232	CQ18DH1229	Ngọc Hoàng Long	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1233	CQ18DH1547	Nguyễn Bảo Long	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1234	CQ18DH1577	Lê Công Minh	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1235	CQ18DH0374	Nguyễn Bình Nguyên	ĐH CNSX tự động K18	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1236	CQ18DH0905	Bùi Minh Quân	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1237	CQ18DH1277	Nguyễn Minh Quyết	ĐH CNSX tự động K18	65,00	70,00	68,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 1: Khiến trách, Mức xử lý: 1
1238	CQ18DH0929	Đỗ Đức Thịnh	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1239	CQ18DH0131	Nguyễn Thành Trung	ĐH CNSX tự động K18	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1240	CQ18DH1489	Vũ Xuân Trường	ĐH CNSX tự động K18	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1241	CQ18DH1175	Hoàng Trung Trường	ĐH CNSX tự động K18	80,00	70,00	75,00	Khá	KHCB	
1242	CQ18DH0860	Lam Anh Tuấn	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1243	CQ18DH1196	Nguyễn Minh Tuấn	ĐH CNSX tự động K18	70,00	70,00	70,00	Khá	KHCB	
1244	CQ18DH1279	Vũ Thanh Tùng	ĐH CNSX tự động K18	80,00	70,00	75,00	Khá	KHCB	
1245	CQ18DH1524	Nguyễn Văn Việt	ĐH CNSX tự động K18	70,00	50,00	60,00	Trung bình	KHCB	Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
1246	CQ18DH1469	Bùi Phương Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1247	CQ18DH1520	Vũ Ngọc Anh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1248	CQ18DH0817	Tạ Thị Bích	ĐH Kế toán tổng hợp K18	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1249	CQ18DH1250	Nguyễn Thị Phương Chi	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	97,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1250	CQ18DH1383	Lê Tuyết Dinh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	83,00	97,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1251	CQ18DH1555	Đỗ Đức Dũng	ĐH Kế toán tổng hợp K18	75,00	45,00	60,00	Trung bình	KHCB	Kỷ thứ 2: Cảnh cáo, Mức xử lý: 1
1252	CQ18DH0106	Nguyễn Thị Hương Giang	ĐH Kế toán tổng hợp K18	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1253	CQ18DH1380	Phạm Trung Hải	ĐH Kế toán tổng hợp K18	95,00	91,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1254	CQ18DH1543	Nguyễn Thanh Hằng	ĐH Kế toán tổng hợp K18	90,00	87,00	89,00	Tốt	KHCB	
1255	CQ18DH1364	An Xuân Hoà	ĐH Kế toán tổng hợp K18	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1256	CQ18DH0973	Lê Anh Hoàng	ĐH Kế toán tổng hợp K18	90,00	46,00	68,00	Khá	KHCB	
1257	CQ18DH1133	Phạm Thanh Huyền	ĐH Kế toán tổng hợp K18	83,00	60,00	72,00	Khá	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1188	CQ18DH1219	Nguyễn Hải Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	65,00	75,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1189	CQ18DH1332	Nguyễn Thành Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	86,00	87,00	Tốt	KHCB	
1190	CQ18DH1333	Vũ Phạm Hải Nam	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	92,00	90,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1191	CQ18DH0802	Dương Trung Nguyên	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1192	CQ18DH0940	Vũ Đồng Sỹ Nguyên	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1193	CQ18DH0683	Vũ Trần Nhân	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	89,00	86,00	88,00	Tốt	KHCB	
1194	CQ18DH0381	Hà Vũ Anh Ninh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	65,00	74,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1195	CQ18DH1410	Trần Xuân Oánh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	91,00	90,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1196	CQ18DH1389	Đỗ Vũ Phong	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	65,00	74,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1197	CQ18DH1441	Phạm Minh Phương	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	87,00	83,00	85,00	Tốt	KHCB	
1198	CQ18DH0811	Trần Minh Quang	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	83,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
1199	CQ18DH0955	Văn Thành Quang	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1200	CQ18DH0079	Lê Hữu Tâm	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1201	CQ18DH1130	Nguyễn Thị Minh Tâm	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	85,00	87,00	Tốt	KHCB	
1202	CQ18DH0926	Vũ Đức Thanh	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	89,00	84,00	87,00	Tốt	KHCB	
1203	CQ18DH0575	Trần Đức Thắng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1204	CQ18DH1102	Trần Trí Tiên	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1205	CQ18DH0689	Đỗ Đức Trọng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1206	CQ18DH0117	Phùng Đức Trọng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1207	CQ18DH1016	Bùi Quốc Trung	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1208	CQ18DH1349	Nguyễn Đức Trung	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	86,00	85,00	Tốt	KHCB	
1209	CQ18DH0651	Trần Mạnh Trung	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1210	CQ18DH1339	Hoàng Quốc Trường	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	84,00	83,00	Tốt	KHCB	
1211	CQ18DH0776	Võ Đoàn Trường	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1212	CQ18DH0969	Vũ Đức Trường	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	91,00	88,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1213	CQ18DH0954	Phạm Quang Tuấn	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1214	CQ18DH0595	Trần Đức Thanh Tuấn	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	90,00	85,00	88,00	Tốt	KHCB	
1215	CQ18DH1379	Trương Anh Tuấn	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1216	CQ18DH0342	Vũ Anh Tuấn	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	90,00	88,00	89,00	Tốt	KHCB	
1217	CQ18DH1337	Phạm Anh Tú	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	65,00	74,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1218	CQ18DH0028	Đoàn Thanh Tùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	82,00	63,00	73,00	Khá	KHCB	Kỳ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1219	CQ18DH0250	Nguyễn Anh Tùng	ĐH CNKT tự động hóa K18 B	84,00	84,00	84,00	Tốt	KHCB	
1220	CQ18DH0479	Phạm Xuân Bách	ĐH CNSX tự động K18	60,00	70,00	65,00	Khá	KHCB	
1221	CQ18DH1027	Nguyễn Mạnh Dũng	ĐH CNSX tự động K18	70,00	80,00	75,00	Khá	KHCB	
1222	CO18DH1273	Diệp Viết Đan	ĐH CNSX tự động K18	60,00	70,00	65,00	Khá	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1258	CQ18DH0836	Nguyễn Thu Hương	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1259	CQ18DH0853	Phạm Ngọc Khánh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	95,00	75,00	85,00	Tốt	KHCB	
1260	CQ18DH1463	Phạm Ngọc Phương Liên	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1261	CQ18DH1478	Nguyễn Hoàng Diệu Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1262	CQ18DH1467	Nguyễn Thị Mỹ Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1263	CQ18DH1485	Nguyễn Thị Thùy Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	97,00	91,00	Xuất sắc	KHCB	
1264	CQ18DH1476	Vũ Khánh Linh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
1265	CQ18DH1541	Chu Khánh Ly	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	83,00	84,00	Tốt	KHCB	
1266	CQ18DH1531	Nguyễn Kim Ngân	ĐH Kế toán tổng hợp K18	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
1267	CQ18DH0187	Bùi Giang Ngọc	ĐH Kế toán tổng hợp K18	80,00	80,00	80,00	Tốt	KHCB	
1268	CQ18DH0767	Nguyễn Thị Minh Ngọc	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1269	CQ18DH0868	Trần Thị Minh Phúc	ĐH Kế toán tổng hợp K18	93,00	93,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1270	CQ18DH1399	Nguyễn Thị Thanh Thuỷ	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1271	CQ18DH1532	Nguyễn Minh Thư	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1272	CQ18DH0404	Phạm Minh Thư	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	93,00	89,00	Tốt	KHCB	
1273	CQ18DH0071	Bùi Thuỷ Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K18	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	KHCB	
1274	CQ18DH1416	Trần Thuỷ Trang	ĐH Kế toán tổng hợp K18	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
1275	CQ18DH0676	Đinh Thị Kiều Trinh	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1276	CQ18DH1534	Bùi Văn Anh Tuấn	ĐH Kế toán tổng hợp K18	85,00	75,00	80,00	Tốt	KHCB	
1277	CQ18DH1373	Lê Cẩm Tú	ĐH Kế toán tổng hợp K18	92,00	92,00	92,00	Xuất sắc	KHCB	
1278	CQ18DH0433	Trần Thị Hà Vy	ĐH Kế toán tổng hợp K18	92,00	85,00	89,00	Tốt	KHCB	
1279	LA18DH0012	Khounxay Keouangkhram	ĐH KT mô Hầm lò (Lào K18)	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1280	LA18DH0017	Mungkone Soukphoumsavanhdansou	ĐH KT mô Hầm lò (Lào K18)	88,00	87,00	88,00	Tốt	KHCB	
1281	LA18DH0008	Nai Var	ĐH KT mô Hầm lò (Lào K18)	97,00	97,00	97,00	Xuất sắc	KHCB	
1282	LA18DH0018	Phonesouk Khammoungkhoun	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp (Lào K18)	80,00	87,00	84,00	Tốt	KHCB	
1283	LA18DH0019	Saiyfon Kuangbounmy	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp (Lào K18)	89,00	88,00	89,00	Tốt	KHCB	
1284	CQ18DH1243	Nguyễn Đức Anh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	75,00	75,00	75,00	Khá	KHCB	
1285	CQ18DH1540	Nguyễn Thế Anh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	83,00	83,00	83,00	Tốt	KHCB	
1286	CQ18DH1574	Trần Thị Phương Anh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1287	CQ18DH1567	Dương Ngọc Bảo	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1288	CQ18DH1167	Lý Văn Dương	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	82,00	87,00	85,00	Tốt	KHCB	
1289	CQ18DH1145	Ngô Phương Giang	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	87,00	82,00	85,00	Tốt	KHCB	
1290	CQ18DH1171	Vũ Anh Hà	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	95,00	95,00	95,00	Xuất sắc	KHCB	
1291	CQ18DH0586	Đặng Thủy Hiền	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1292	CQ18DH1155	Lê Thị Thanh Hoa	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	95,00	92,00	94,00	Xuất sắc	KHCB	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1293	CQ18DH1143	Phạm Trường Kỳ	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1294	CQ18DH1554	Tăng Thị Lâm	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	93,00	93,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1295	CQ18DH1517	Lê Khánh Linh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	88,00	88,00	88,00	Tốt	KHCB	
1296	CQ18DH1163	Hoàng Phi Long	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	82,00	82,00	82,00	Tốt	KHCB	
1297	CQ18DH1479	Vũ Khánh Ly	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	90,00	95,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1298	CQ18DH1214	Chu Tuấn Mạnh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	75,00	75,00	75,00	Khá	KHCB	
1299	CQ18DH1569	Nguyễn Trần Hải Nam	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	80,00	65,00	73,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1300	CQ18DH1570	Nguyễn Huy Phúc	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	80,00	30,00	55,00	Trung bình	KHCB	
1301	CQ18DH1419	Nguyễn Thị Ngọc Thanh	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1302	CQ18DH1405	Bùi Phương Thảo	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1303	CQ18DH0521	Lê Phương Thảo	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	93,00	85,00	89,00	Tốt	KHCB	
1304	CQ18DH1402	Đinh Thị Thanh Thuý	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1305	CQ18DH1233	Trần Thị Trang	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	93,00	93,00	93,00	Xuất sắc	KHCB	
1306	CQ18DH1003	Vũ Văn Triệu	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	80,00	65,00	73,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1307	CQ18DH0906	Đinh Hữu Tuấn	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	75,00	73,00	74,00	Khá	KHCB	
1308	CQ18DH0948	Hoàng Tuấn Tú	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	80,00	65,00	73,00	Khá	KHCB	Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1309	CQ18DH0924	Khúc Thị Yên Vy	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	85,00	85,00	85,00	Tốt	KHCB	
1310	CQ18DH0328	Nguyễn Thị Xuân	ĐH Quản trị kinh doanh tổng hợp K18	82,00	87,00	85,00	Tốt	KHCB	
1311	LA18DH0003	Vannida Anoulad	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	96,00	95,00	96,00	Xuất sắc	KHCB	
1312	LA18DH0011	Khampheng Bounsengthiem	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	96,00	96,00	96,00	Xuất sắc	KHCB	
1313	LA18DH0001	Tina Heuangviset	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1314	LA18DH0025	Thippaphone Latsamy	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	87,00	87,00	87,00	Tốt	KHCB	
1315	LA18DH0002	Phouthasone Manivanh	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	89,00	87,00	88,00	Tốt	KHCB	
1316	LA18DH0010	Chue Moua	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	89,00	87,00	88,00	Tốt	KHCB	
1317	LA18DH0004	Moukdavanh Phetdala	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	89,00	87,00	88,00	Tốt	KHCB	
1318	LA18DH0016	Miko Thongkhammee	ĐH Tài chính doanh nghiệp (Lào K18)	89,00	87,00	88,00	Tốt	KHCB	
1319	LA15DH0023	Soukhavong Sanhtisouk	ĐH KT mô Hầm lò (Lào K10)	65,00	85,00	75,00	Khá	MCT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1320	LA16DH0027	Phouthasone Bounthavong	Hầm và Cầu K16	81,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	
1321	LA16DH0015	Anouphak Phonevilay	Hầm và Cầu K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	MCT	
1322	LA16DH0041	Anouxa Phoutlienthong	Hầm và Cầu K16	81,00	82,00	82,00	Tốt	MCT	
1323	LA16DH0026	Xaypanya Siliya	Hầm và Cầu K16	81,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	
1324	LA16DH0028	Vatthana Xayyakset	Hầm và Cầu K16	81,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	
1325	LA16DH0011	Xou Xiong	Hầm và Cầu K16	81,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	
1326	CQ16DH0659	Ngô Văn Huy	ĐH CNKT công trình xây dựng hầm và cầu K16	65,00	80,00	73,00	Khá	MCT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1327	CQ15DH0017	Nguyễn Văn Hoàng	ĐH KT mô Hầm lò K16	80,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Tên lớp	Kỳ 1	Kỳ 2	Tổng điểm	Xếp loại RL	Khoa	Kỷ luật
1328	CQ15DH0218	Trần Đức Huy	ĐH KT mô Hầm lò K15	65,00	65,00	65,00	Khá	MCT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1329	CQ15DH0220	Nguyễn Quốc Quân	ĐH KT mô Hầm lò K15	81,00	80,00	81,00	Tốt	MCT	
1330	CQ15DH0266	Nguyễn Quang Thái	ĐH KT mô Hầm lò K15	65,00	80,00	73,00	Khá	MCT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1331	CQ18DH1396	Nguyễn Đức Trung	ĐH KT mô Hầm lò K18	84,00	85,00	85,00	Tốt	MCT	
1332	LA16DH0018	Nitthikone Keovongsy	ĐH khai thác mỏ (Lào K16)	80,00	80,00	80,00	Tốt	MCT	
1333	LA16DH0014	Tong Kue	ĐH khai thác mỏ (Lào K16)	90,00	90,00	90,00	Xuất sắc	MCT	
1334	LA16DH0005	Anouvat Lattanapanya	ĐH khai thác mỏ (Lào K16)	81,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	
1335	LA16DH0025	Khampaeng Phatthana	ĐH khai thác mỏ (Lào K16)	81,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	
1336	LA16DH0008	Kaiyyaphone Sihazaiyyalad	ĐH khai thác mỏ (Lào K16)	81,00	81,00	81,00	Tốt	MCT	
1337	LA16DH0020	Maimeeyang Vangpor	ĐH khai thác mỏ (Lào K16)	83,00	83,00	83,00	Tốt	MCT	
1338	LA17DH0030	Vuemoua Bounmixay	ĐH khai thác mỏ (Lào K17)	65,00	81,00	73,00	Khá	MCT	Kỷ thứ 1: Nhắc nhở, Mức xử lý: 1
1339	LA17DH0017	Jittakone Phoneveexay	ĐH khai thác mỏ (Lào K17)	65,00	80,00	73,00	Khá	MCT	Kỷ thứ 1: Nhắc nhở, Mức xử lý: 1
1340	CQ16DH0626	Nguyễn Văn Hào	ĐH khai thác mỏ K16	83,00	83,00	83,00	Tốt	MCT	
1341	CQ16DH0539	Đỗ Gia Ngọc	ĐH khai thác mỏ K16	65,00	50,00	58,00	Trung bình	MCT	Kỷ thứ 1: Khiển trách, Mức xử lý: 1; Kỷ thứ 2: Khiển trách, Mức xử lý: 1
1342	CQ16DH0031	Lê Long Vũ	ĐH khai thác mỏ K16	82,00	82,00	82,00	Tốt	MCT	
1343	CQ17DH0865	Trần Hoàng Duy	ĐH khai thác mỏ K17	81,00	63,00	72,00	Khá	MCT	
1344	CQ17DH0801	Phan Hải Long	ĐH khai thác mỏ K17	80,00	80,00	80,00	Tốt	MCT	
1345	CQ18DH0696	Lê Đức Chiến	ĐH CN kỹ thuật điện K18 A	77,00	87,00	82,00	Tốt		